

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO9001:2000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trịnh Thiện Trang
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Lê Thị NamPhương

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trịnh Thiện Trang
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Lê Thị NamPhương**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trịnh Thiện Trang
Lớp: QTL 603K

Mã SV: 1213401091
Ngành: Kế toán - Kiểm Toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Đức Tài.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát những lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

- Mô tả chi tiết thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.

- Trên cơ sở những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại đơn vị thực tập.

.....
.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các chứng từ, sổ sách kế toán và các tài liệu khác liên quan đến công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.

- Kỳ lấy số liệu: năm 2013.

.....
.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH Đức Tài.

.....
.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CÁC LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN.....	3
1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền và đặc điểm vốn bằng tiền.....	3
1.1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền:	4
1.1.2.1. Luân chuyển chứng từ:.....	4
1.1.2.2. Tài khoản sử dụng	5
1.2. KẾ TOÁN TIỀN MẶT	6
1.2.1. Nguyên tắc chế độ lưu thông tiền mặt.....	6
1.2.2. Kế toán chi tiết tiền mặt	6
1.2.3. Tài khoản sử dụng và kết cấu TK.....	7
1.2.4 Chứng từ sử dụng	8
1.2.5. Kế toán các khoản phải thu, chi bằng tiền mặt.....	9
1.2.5.1 Kế toán các khoản phải thu, chi bằng tiền Việt Nam.....	9
1.2.5.2. Kế toán các khoản thu, chi bằng tiền ngoại tệ:	11
1.2.5.3 Kế toán nhập xuất vàng, bạc, kim loại quý, đá quý.	14
1.3. KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG.....	18
1.3.1 Kế toán tiền gửi ngân hàng	18
1.3.2. Một số nghiệp vụ kinh tế liên quan đến ngoại tệ	23
1.4. KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN	27
1.4.1. Kế toán tiền đang chuyển:.....	27
1.4.2. Chứng từ sử dụng:.....	27
1.4.3. Tài khoản sử dụng:.....	27
1.4.1: Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển	28
1.5. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG.	29
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI	31
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Đức Tài	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	31
2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	33

2.2. THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI.....	38
2.2.1 Kế toán tiền mặt	38
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.	56
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI	
.....	73
<i>3.1. Đánh giá chung về những thuận lợi và khó khăn của Công ty TNHH Đức Tài trong thời gian gần đây.....</i>	73
3.1.1. Thuận lợi:	73
3.1.2. Khó khăn:	74
<i>3.2. Đánh giá thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Tài.....</i>	74
<i>3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Đức Tài.</i>	76
3.3.1. Ý kiến thứ 1: Hoàn thiện hệ thống sổ sách.	76
3.3.2: Ý kiến thứ 2: Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.....	86
3.3.3: Ý kiến thứ 3: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ..	87
KẾT LUẬN	89

LỜI MỞ ĐẦU

Công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phân hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Trong đó vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình. Mặt khác, còn là công cụ tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong điều kiện hiện nay quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết báo cáo: " Hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Đức Tài".

Nội dung của khóa luận này ngoài Lời mở đầu và Kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Các lý luận chung về vốn bằng tiền và công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Đức Tài.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác hạch toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Đức Tài.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo, đặc biệt là cô giáo Th.S Lê Thị Nam Phương, cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Đức Tài đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành chuyên đề thực tập này. Do những hạn chế về thời gian, khả năng chuyên môn và thực tế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý phê bình của thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: CÁC LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền và đặc điểm vốn bằng tiền.

a. *Khái niệm:*

- Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực do đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

- Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, và tiền đang chuyển. Đặc trưng của vốn bằng tiền là có tính thanh khoản cao, do vậy vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa để sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp.

b. *Vai trò:*

- Trong quá trình kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm TSCĐ, vật tư hàng hoá sản xuất kinh doanh, trả lương cho người lao động.

- Vốn bằng tiền còn là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ.

- Vốn bằng tiền là chi phí cho các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

d. *Nhiệm vụ:*

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.

- Giám đốc thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại vốn bằng tiền, kiểm tra, và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

-Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền bao gồm:

+ Hạch toán kế toán phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là "đồng Việt Nam" (VNĐ) để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền.

+ Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra " đồng Việt Nam" theo tỷ giá mua do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán, đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.

+ Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, phải theo dõi trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại, từng thứ, giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá trị thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp giá trị thực tế bình quân gia quyền.

- Phương pháp giá trị thực tế nhập trước, xuất trước.

- Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước.

+ Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng ... cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế chính xác. Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền:

1.1.2.1. Luân chuyển chứng từ:

Chứng từ kế toán là những phương tiện chứng minh bằng văn bản cụ thể tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mọi hoạt động kinh tế tài chính trong doanh nghiệp đều phải lập chứng từ hợp lệ chứng minh theo đúng mẫu và

phương pháp tính toán, nội dung ghi chép quy định, một chứng từ hợp lệ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ kinh tế đó về nội dung, quy mô, thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ, người lập chứng từ... Sự luân chuyển đó được xác định bởi khâu sau:

+ Tạo lập chứng từ: Do hoạt động kinh tế diễn ra thường xuyên và hết sức đa dạng nên chứng từ sử dụng để phản ánh cũng mang nhiều nội dung, đặc điểm khác nhau. Chứng từ phải lập theo mẫu nhà nước quy định và có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan.

+ Kiểm tra chứng từ: Khi nhận được chứng từ phải kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, hợp lý của chứng từ. Chỉ sau khi chứng từ được kiểm tra nó mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

+ Sử dụng chứng từ cho kế toán nghiệp vụ và ghi sổ kế toán: cung cấp nhanh thông tin cho người quản lý phần hành này:

- Phân loại chứng từ theo từng loại tiền, tính chất, địa điểm phát sinh phù hợp với yêu cầu ghi sổ kế toán.

- Lập định khoản và ghi sổ kế toán chứng từ đó.

+ Bảo quản và sử dụng lại chứng từ trong kỳ hạch toán: Trong kỳ hạch toán, chứng từ sau khi ghi sổ kế toán phải được bảo quản và có thể tái sử dụng để kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

+ Lưu trữ chứng từ: Chứng từ vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán, vừa là tài liệu lịch sử kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi ghi sổ và kết thúc kỳ hạch toán, chứng từ được chuyển sang lưu trữ theo nguyên tắc:

- Chứng từ không bị mất.

- Khi cần có thể tìm lại được nhanh chóng.

- Khi hết thời hạn lưu trữ, chứng từ sẽ được đưa ra hủy.

1.1.2.2. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng giảm của vốn bằng tiền kế toán sử dụng các TK sau:

- TK 111: "Tiền mặt" dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của các loại tiền tại quỹ của Việt Nam.

- TK 112: "Tiền gửi ngân hàng" dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của các loại tiền của doanh nghiệp đang được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính khác.

- TK 113: “Tiền đang chuyên” dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của các loại tiền của doanh nghiệp đang trong thời gian làm thủ tục thanh toán.

1.2. KẾ TOÁN TIỀN MẶT

- Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn. Tại Nhà máy, chỉ những nghiệp vụ phát sinh không lớn mới thanh toán bằng tiền mặt. Hạch toán vốn bằng tiền do thủ quỹ thực hiện và được theo dõi từng ngày. Tiền mặt của Nhà máy tồn tại chủ yếu dưới dạng đồng nội tệ và rất ít dưới dạng đồng ngoại tệ. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại đá quý... Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán, thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

1.2.1. Nguyên tắc chế độ lưu thông tiền mặt

Việc quản lý tiền mặt phải dựa trên nguyên tắc chế độ và thể lệ của nhà nước ban hành. Phải quản lý chặt chẽ cả hai mặt thu, chi và tập trung nguồn tiền vào ngân hàng nhà nước nhằm điều hòa tiền tệ trong lưu thông, tránh lạm phát và bội chi ngân sách nhà nước. Bởi vậy, kế toán trong đơn vị phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Nhà nước quy định ngân hàng là cơ quan duy nhất để phụ trách quản lý tiền mặt. Các xí nghiệp, cơ quan phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, thể lệ quản lý tiền mặt của nhà nước.
- Các xí nghiệp, tổ chức kế toán và các cơ quan đều phải mở tài khoản tại ngân hàng, để gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng để hoạt động
- Mọi khoản thu bằng tiền mặt bất cứ từ nguồn nào đều phải nộp hết vào ngân hàng. Trừ trường hợp ngân hàng cho phép tự ghi. Nghiêm cấm các đơn vị cho thuê, cho mượn tài khoản.

1.2.2. Kế toán chi tiết tiền mặt

- Theo chế độ hiện hành, mỗi doanh nghiệp đều có một số tiền mặt nhất định tại quỹ. Số tiền thường xuyên có mặt tại quỹ được ấn định tùy thuộc vào quy mô, tính chất hoạt động của doanh nghiệp và được sự thỏa thuận của ngân

hàng.. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi, quản lí và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

- Tiền mặt tại quỹ do thủ quỹ bảo quản và trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ thu, chi căn cứ vào chứng từ hợp lệ, hợp pháp.
- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.
- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hằng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

1.2.3. Tài khoản sử dụng và kết cấu TK.

Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK111 " Tiền mặt". Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

- Bên nợ:
 - Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.
 - Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.
 - Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh.
- Bên có:
 - Các khoản tiền mặt ngân phiếu, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, vàng, bạc hiện còn tồn quỹ.
 - Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
 - Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh.

Số dư bên nợ : Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp 2 :

- TK 1111 : "Tiền Việt Nam" phản ánh tình hình thu, chi thừa, thiếu, tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp.

- TK 1112 : "Tiền ngoại tệ" phản ánh tình hình thu, chi thừa, thiếu, điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ ngoại tệ tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam.

- TK 1113 : "Vàng bạc, kim khí quý, đá quý" phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

Cơ sở pháp lý để ghi nợ TK 111 là các phiếu thu còn cơ sở để ghi có TK 111 là các phiếu chi.

1.2.4 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (Mẫu số 01 - TT)

- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)

- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 - TT)

- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 - TT)

- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 - TT)

- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 - TT)

- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND) (08a-TT)

- Bảng kê chi tiền (09-TT)

- Và các chứng từ khác có liên quan.

- Trong đó:

- *Phiếu thu*: Được sử dụng nhằm xác định số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thực tế nhập quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ thu tiền, ghi sổ quỹ, kế toán ghi sổ kế toán các khoản thu có liên quan.

- *Phiếu chi*: Được sử dụng nhằm xác định các khoản tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thực tế xuất quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ xuất quỹ, ghi sổ quỹ và kế toán ghi sổ kế toán.

-*Giấy đề nghị tạm ứng*: là căn cứ để xét duyệt tạm ứng, làm thủ tục lập phiếu chi và xuất quỹ cho tạm ứng.

-*Giấy thanh toán tạm ứng*: là bảng liệt kê các khoản tiền đã nhận tạm ứng và các khoản đã chi của người nhận tạm ứng, làm căn cứ thanh toán số tiền tạm ứng và ghi sổ kế toán.

-*Giấy đề nghị thanh toán*: dùng trong trường hợp đã chi nhưng chưa được thanh toán hoặc chưa nhận tạm ứng để tổng hợp các khoản đã chi kèm theo chứng từ (nếu có) để làm thủ tục thanh toán.

-Biên bản kiểm kê quỹ: (dùng cho đồng Việt Nam) nhằm xác nhận tiền mặt bằng đồng Việt nam tồn quỹ thực tế và số chênh lệch thừa, thiếu so với sổ quỹ, trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

-Biên lai thu tiền: Là giấy biên nhận của đơn vị hoặc cá nhân đã thu tiền hoặc thu séc của người nộp tiền làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ, đồng thời để người nộp tiền thanh toán với đơn vị nộp tiền hoặc lưu quỹ.

-Bảng kê chi tiền: Là căn cứ để quyết toán kinh phí cho đại biểu tham dự hội thảo tập huấn. Áp dụng cho các cuộc hội thảo, tập huấn diễn ra nhiều ngày, tiền chỉ thanh toán một lần vào ngày cuối hội thảo.

1.2.5. Kế toán các khoản phải thu, chi bằng tiền mặt.

1.2.5.1 Kế toán các khoản phải thu, chi bằng tiền Việt Nam.

***) Các nghiệp vụ tăng tiền mặt:**

a.Thu tiền bán hàng nhập quỹ:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK111(1111)"Tiền mặt "

Có TK 511: Doanh thu bán hàng chưa có thuế GTGT

Có TK 333 (33311)"Thuế GTGT đầu ra phải nộp"

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Nợ TK111(1111)"Tiền mặt "

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng bao gồm cả thuế GTGT

b.Thu tiền mặt từ các hoạt động hoạt động tài chính, hoạt động khác:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 111 “ Tiền mặt”

Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Có TK 711 “ Thu nhập khác”

Có TK 333(3331) – Thuế GTGT phải nộp

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Nợ TK 111 “Tiền mặt”

Có TK 515, 711

c. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt:

Nợ TK 111(1111) "Tiền mặt"

Có TK 112"Tiền gửi ngân hàng"

d. Thu hồi các khoản nợ phải thu bằng tiền mặt và nhập quỹ của đơn vị, ghi:

Nợ TK 111 "Tiền mặt"

Có TK 131,136, 141

e. Nhận ký quỹ, ký cược của đơn vị khác bằng tiền mặt, vàng bạc, kim khí quý, đá quý:

Nợ TK 111 "Tiền mặt"

Có TK 338 (3388): Nếu ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 344: Nhận thế chấp ký quỹ, ký cược dài hạn

f. Thu hồi các khoản vốn đầu tư ngắn hạn, các khoản ký quỹ, ký cược, hoặc thu hồi các khoản cho vay, nhận vốn góp nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 "Tiền mặt"

Có TK 121 "Đầu tư chứng khoán ngắn hạn"

Có TK 128 "Đầu tư ngắn hạn khác"

Có TK 144 "Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn"

Có TK 244 "Ký quỹ, ký cược dài hạn"

Có TK 411 "Phát hành và bán cổ phiếu, nhận vốn góp"

g. Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê:

Nợ TK 111 "Tiền mặt"

Có TK 338 (3381): Nếu chưa xác định được nguyên nhân

) Các nghiệp vụ giảm*h. Chi tiền mặt trả lương cho cán bộ công nhân viên:**

Nợ TK 334 "Phải trả công nhân viên"

Có TK 111 "Tiền mặt"

k. Chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 152,153,211

Nợ TK 133 "Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ"

Có TK 111(1111) "Tiền mặt"

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Nợ TK 152,153,211

Có TK 111(1111) "Tiền mặt"

i. Nộp tiền mặt vào ngân hàng:

Nợ TK 112 "Tiền gửi ngân hàng"

Có TK 111

l. Chi tiền mặt tạm ứng cho cán bộ công nhân viên đi công tác, đi mua nguyên vật liệu:

Nợ TK 141 "Tạm ứng" (Chi tiết người nhận tạm ứng)

Có TK 111(1111) "Tiền mặt"

m. Chi hoạt động tài chính, hoạt động khác bằng tiền mặt:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 635, 811 "Chi phí tài chính", "Chi phí khác"

Nợ TK 133 "Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ"

Có TK 111(1111)

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Nợ TK 635, 811 "Chi phí tài chính", "Chi phí khác"

Có TK 111(1111)

n. Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, ghi:

Nợ TK 121 "Đầu tư chứng khoán ngắn hạn"

Nợ TK 228 "Đầu tư dài hạn khác"

Có TK 111 "Tiền mặt"

p. Xuất quỹ tiền mặt hoặc vàng bạc, kim khí quý, đá quý mang đi thế chấp, ký cược, ký quỹ:

Nợ TK 144 "Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn"

Nợ TK 244 "Ký quỹ, ký cược dài hạn"

Có TK 111 "Tiền mặt"

q. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả, ghi:

Nợ TK 311, 315, 331, 333, 334, 336, 338

Có TK 111 "Tiền mặt"

t. Chi tiền mặt dùng cho quản lý phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận QLDN:

Nợ TK 627, 641, 642

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 111

1.2.5.2. Kế toán các khoản thu, chi bằng tiền ngoại tệ:

*) Các quy định về hạch toán ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ:

Một nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ đồng Việt Nam (VNĐ), việc quy đổi từ ngoại tệ sang

đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch, đồng thời phải ghi chép bằng ngoại tệ trên TK 007 - Ngoại tệ các loại.

*) Nguyên tắc:

- Đối với các tài khoản phản ánh vật tư, hàng hóa, TSCĐ, doanh thu, thu nhập và chi phí, khi có phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến ngoại tệ thì luôn luôn được ghi sổ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (là tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước công bố vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế).

- Đối với các tài khoản phản ánh vốn bằng tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển), các khoản nợ phải thu (phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác), các khoản nợ phải trả (phải trả người bán, phải trả nội bộ, vay ngân hàng, nợ dài hạn...) khi phát sinh:

- Ghi tăng (bên nợ) các tài khoản vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Ghi giảm (bên có) tài khoản vốn bằng tiền theo tỉ giá thực tế xuất ngoại tệ (bình quân, đích danh, FIFO, LIFO), và ghi giảm nợ phải thu, nợ phải trả theo tỷ giá ghi sổ (tỷ giá giao dịch lúc ghi nhận nợ phải thu hoặc nợ phải trả).

- Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ của hoạt động kinh doanh (kể cả hoạt động ĐT XDCB) của doanh nghiệp đang hoạt động được ghi nhận ngay vào TK 635 - Chi phí tài chính hoặc TK515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Mua ngoại tệ hoặc thanh toán công nợ bằng đồng Việt Nam được hạch toán theo tỉ giá mua thực tế hoặc tỷ giá thanh toán thực tế.

- Số chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ (Tổng phát sinh Có - Tổng phát sinh Nợ của TK 413) được phản ánh vào TK 515 nếu kết quả là dương hoặc vào TK 635 nếu kết quả là âm.

- Các doanh nghiệp không chuyên kinh doanh ngoại tệ khi có các NVKT về ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế. Chênh lệch tỷ giá mua vào và bán ra được hạch toán vào TK 515 hoặc TK 635.

- Cuối kỳ năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ trên các TK vốn bằng tiền, nợ phải thu, phải trả... theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Số chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào TK 413 và phản ánh trên bảng cân đối kế toán.

*** Kết cấu tài khoản 007: ngoại tệ các loại**

Bên nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ

Bên có : Ngoại tệ giảm trong

Dư nợ : Ngoại tệ hiện có

*** Kết cấu tài khoản 413: Chênh lệch tỷ giá**

- Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính và xử lý khoản chênh lệch thuần vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.

) Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ:*a) Khi mua hàng hoá, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ.**

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642, 133. . .

(Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 - Tiền mặt (1112) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hoá, dịch vụ, TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642, 133. . .

. (Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 111 - Tiền mặt (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

b) Khi thanh toán nợ phải trả (Nợ phải trả người bán, nợ vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn, nợ nội bộ, . . .):

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342, . . . (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 - Tiền mặt (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342, . . . (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 - Tiền mặt (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

c) Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1112) (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH)

Có các TK 511, 515, 711, . . . (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH).

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

d) Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ (Phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, . . .):

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1112) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138, . . . (Tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1112) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138, . . . (Tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

lệch tỷ giá hối đoái).

***) Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản ngoại tệ là tiền mặt khi đánh giá lại cuối năm.**

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (1112)

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132).

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

Có TK 111 - Tiền mặt (1112).

1.2.5.3 Kế toán nhập xuất vàng, bạc, kim loại quý, đá quý.

- Đối với những đơn vị đăng kí kinh doanh vàng bạc, đá quý thì nó là TK1113.

- Đối với những đơn vị chuyên kinh doanh vàng, bạc, đá quý với mục đích kiếm lời thì nó là TK156.

- Đối với đơn vị chuyên sử dụng vàng, bạc, đá quý vào việc chế tạo sản phẩm thì nó là TK 152.

Các nghiệp vụ tăng vàng, bạc, kim loại quý, đá quý ghi.

Nợ TK111: Giá thực tế tăng.

Có TK 111(1111), Có TK 112(1121): Số tiền chi mua thực tế.

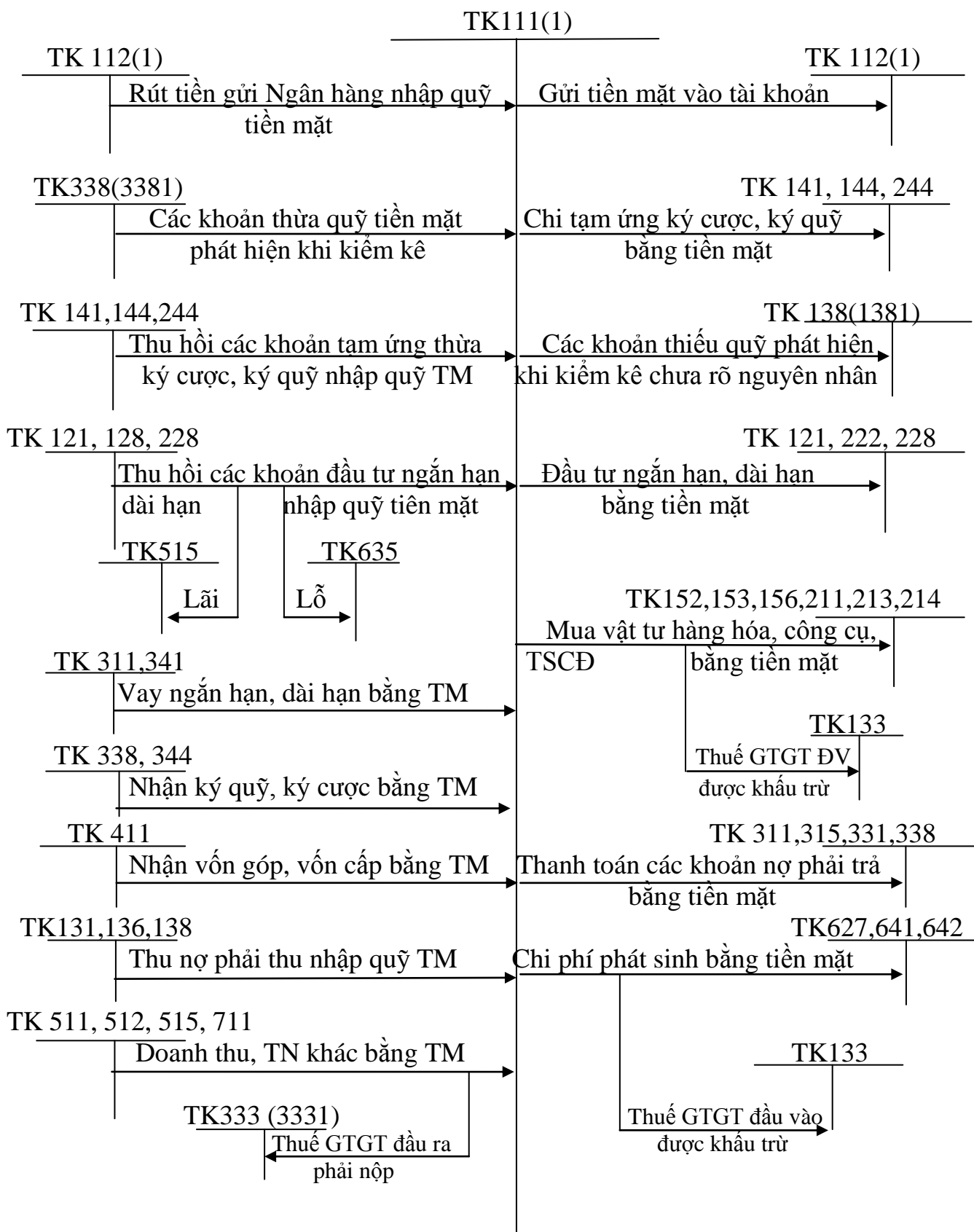
Có TK 511: Doanh thu vận chuyển và giao nhận hàng hóa (vận chuyển và giao nhận hàng hóa thu bằng vàng, bạc....).

Có TK 138,144: Thu hồi các khoản cho vay, các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ.

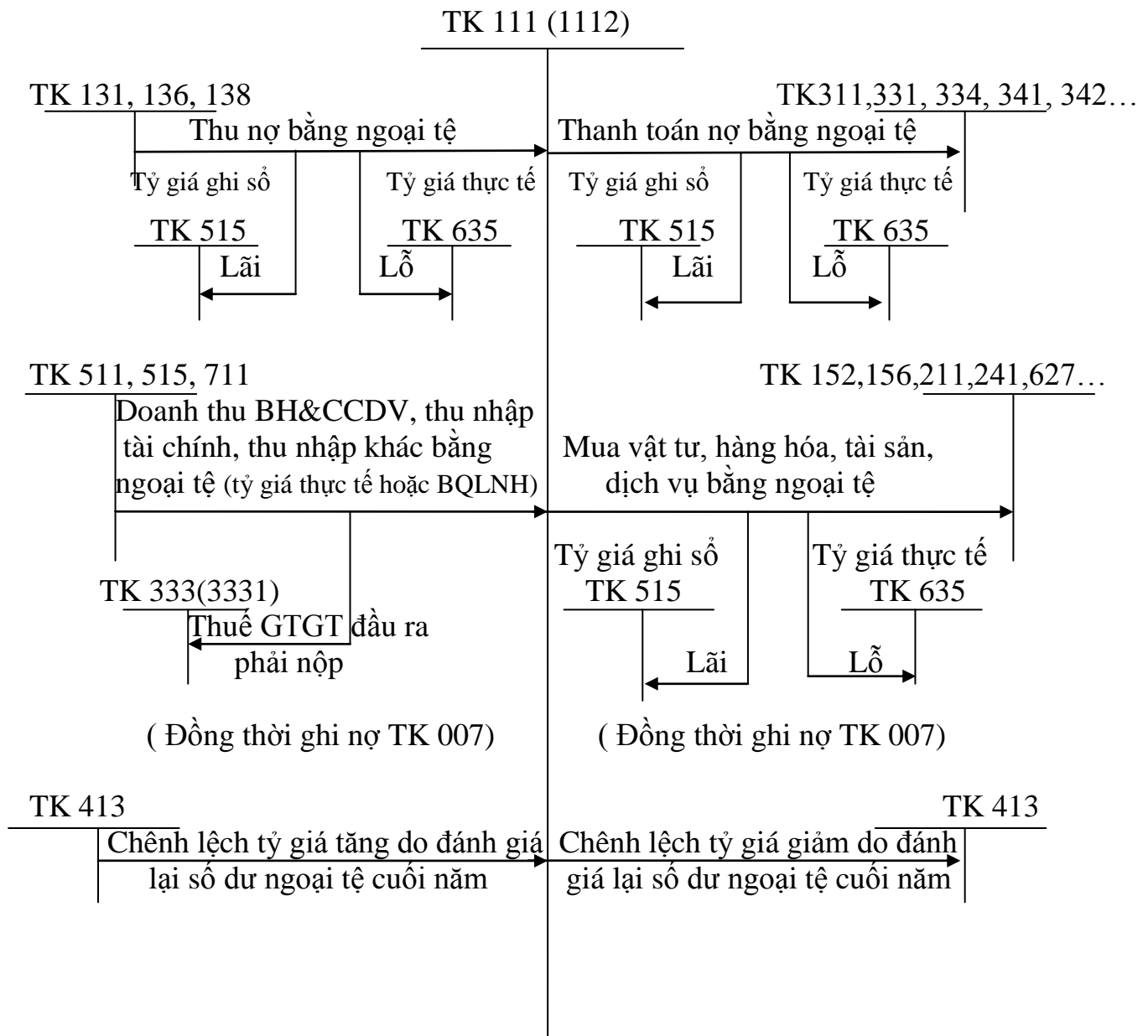
Có TK 411: Nhận liên doanh, cấp phát bằng vàng, bạc, đá quý.

Các nghiệp vụ ghi giảm theo bút toán ngược lại.

Sơ đồ 1.2.1: Sơ đồ kế toán tiền mặt tại quỹ (VND)



Sơ đồ 1.2.2: Sơ đồ kế toán tiền mặt tại quỹ (Ngoại tệ)



1.3. KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

1.3.1 Kế toán tiền gửi ngân hàng

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

- Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (Theo thỏa thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại ngân hàng, các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

a) Chứng từ dùng để hạch toán tiền gửi ngân hàng

- Các giấy báo có, báo nợ, bản sao kê của ngân hàng.
- Các chứng từ khác: séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

b) Tài khoản sử dụng và nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tiền gửi ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112-TGNH. Kết cấu và nội dung tài khoản này như sau:

- Bên Nợ : Các tài khoản tiền gửi vào ngân hàng.
- Bên Có : Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng.
- Số dư bên Nợ : Số tiền hiện còn gửi tại ngân hàng

TK 112 có 3 tài khoản cấp 2

+ TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng.

+ TK 1122 - Ngoại tệ: Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

+ TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng.

Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là

doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo.
- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản TGNH ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

***) Các nghiệp vụ tăng tiền gửi ngân hàng.**

a) Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 111 - Tiền mặt.

b) Nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về số tiền đang chuyển đã vào tài khoản của doanh nghiệp

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 113 - Tiền đang chuyển.

c) Nhận được tiền ứng trước hoặc khi khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản, căn cứ giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

d) Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 - Ký quỹ, ký cược dài hạn.

e) Nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần do các thành viên góp vốn chuyển đến bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh.

f) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn bằng tiền gửi Ngân hàng.

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 344 - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388).

g) Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn bằng chuyển khoản.

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Giá vốn)

Có TK 128 - Đầu tư khác

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (3331)

h) Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác bằng chuyển khoản.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, khi bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và thu từ các hoạt động khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Khoản thu chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Thu nhập chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (3331).

- Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và các khoản thu từ hoạt động tài chính, hoạt động khác không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tổng giá thanh toán)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Tổng giá thanh toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 - Thu nhập khác.

i) Thu lãi tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

***) Các nghiệp vụ ghi giảm tiền gửi ngân hàng.**

k) Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

l) Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi ký quỹ, ký cược (dài hạn, ngắn hạn).

Nợ TK 244 - Ký quỹ, ký cược dài hạn

Nợ TK 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

m) Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi đầu tư tài chính ngắn hạn.

Nợ TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Nợ TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

n) Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hoá về dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, uỷ nhiệm chi hoặc séc:

+ Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, khi phát sinh, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

+ Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, khi phát sinh, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

o) Trả tiền mua TSCĐ, BĐS đầu tư, đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư XDCB phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Nợ TK 217 - Bất động sản đầu tư

Nợ TK 221 - Đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222 - Vốn góp liên doanh

Nợ TK 228 - Đầu tư dài hạn khác

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332 - nếu có)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

p) Thanh toán các khoản nợ phải trả bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 311 - Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331- Phải trả cho người bán

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nợ TK 336 - Phải trả nội bộ

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác

Nợ TK 341 - Vay dài hạn

Nợ TK 342 - Nợ dài hạn

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

q) Trả vốn góp hoặc trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp,.. . bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 411- Nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Nợ các TK 414, 415, 418,.. .

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

s) Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ cho người mua bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 532 - Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

r) Chi bằng tiền gửi Ngân hàng liên quan đến các khoản chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

1.3.2. Một số nghiệp vụ kinh tế liên quan đến ngoại tệ

a) Khi mua vật tư, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ thanh toán bằng tiền gửi ngoại tệ.

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642, 133,.. . (Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642, 133,.. . (Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

- Khi thanh toán nợ phải trả (nợ phải trả người bán, nợ vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn, nợ nội bộ. . .)

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,.. . (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,.. . (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

b) Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (1122) (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH)

Có các TK 511, 515, 711,.. . (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH).

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

c) Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ (Phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ. . .)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1122) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,.. . (Tỷ giá ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

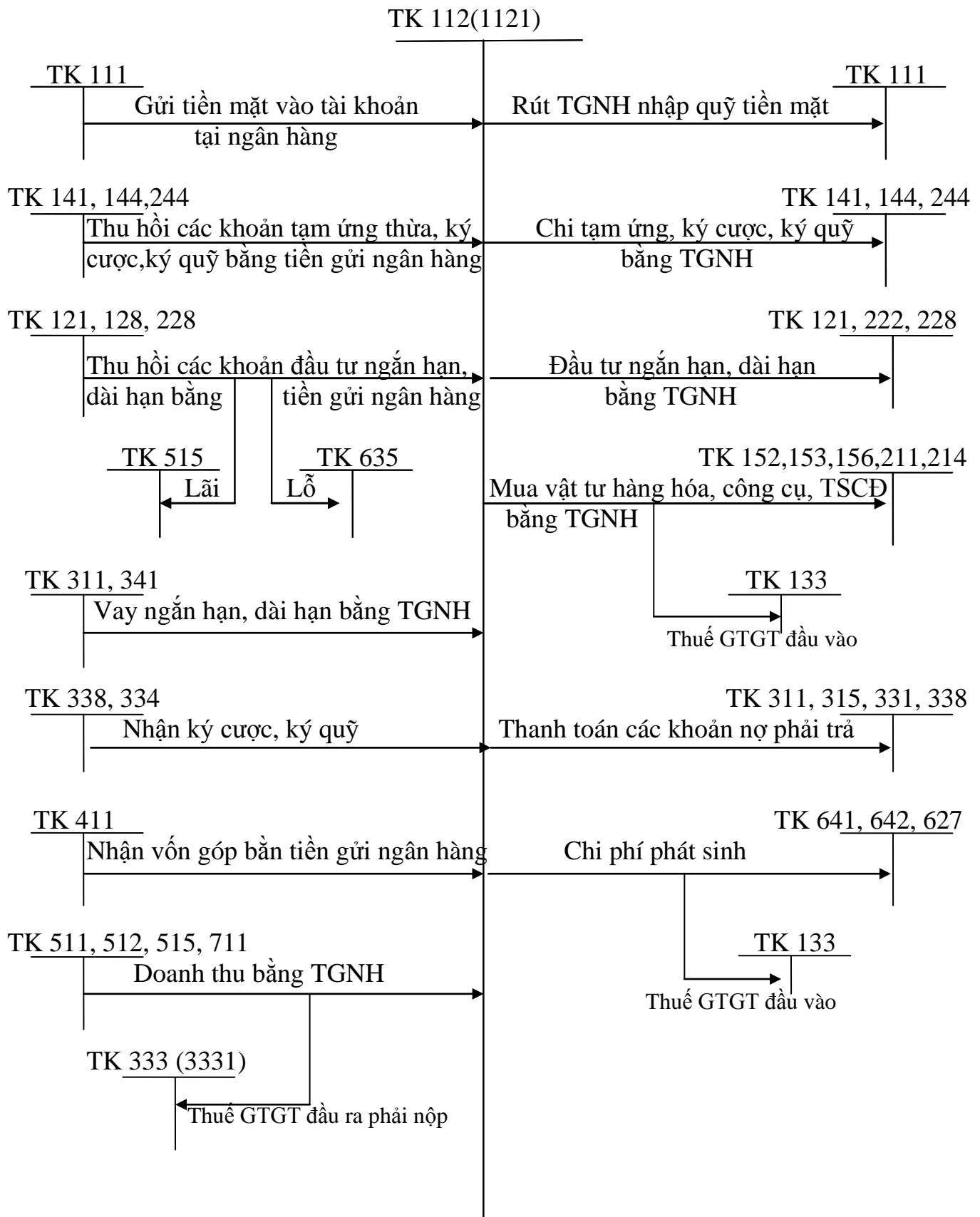
Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng (1122) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

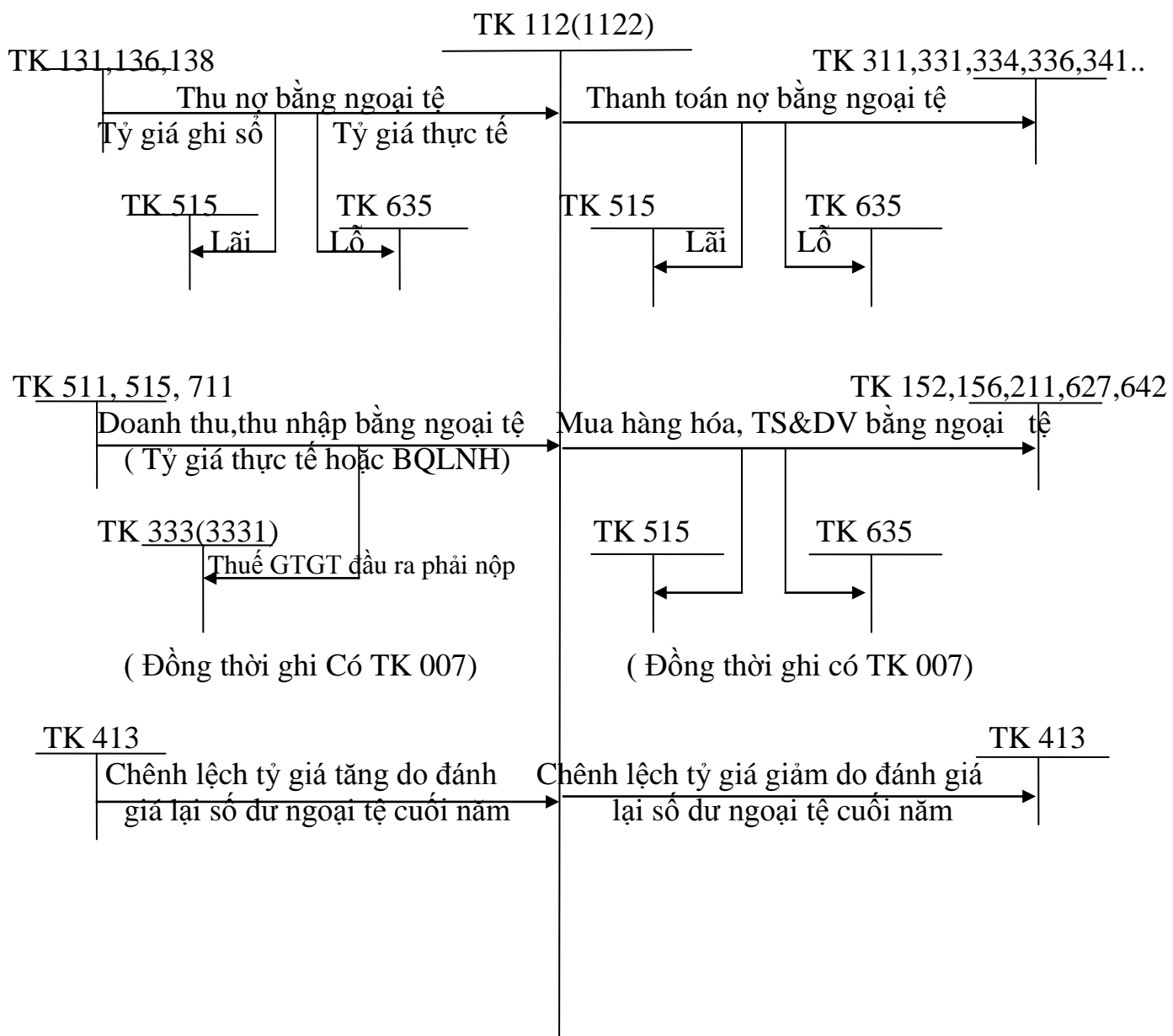
Có các TK 131, 136, 138,.. . (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán).

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 - Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT)

Sơ đồ 1.3.1: Sơ đồ kế toán tiền gửi ngân hàng (VNĐ)



Sơ đồ 1.3.2: Sơ đồ kế toán tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ)



1.4. KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN

1.4.1. Kế toán tiền đang chuyển:

- Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hoặc đã làm thủ tục chuyển từ TK tại ngân hàng để trả cho các đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng.
- Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau :
 - Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
 - Chuyển tiền qua bưu điện trả cho đơn vị khác.
 - Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay vào kho bạc giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp, khách hàng và kho bạc Nhà nước.
 - Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền...

1.4.2. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.4.3. Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113

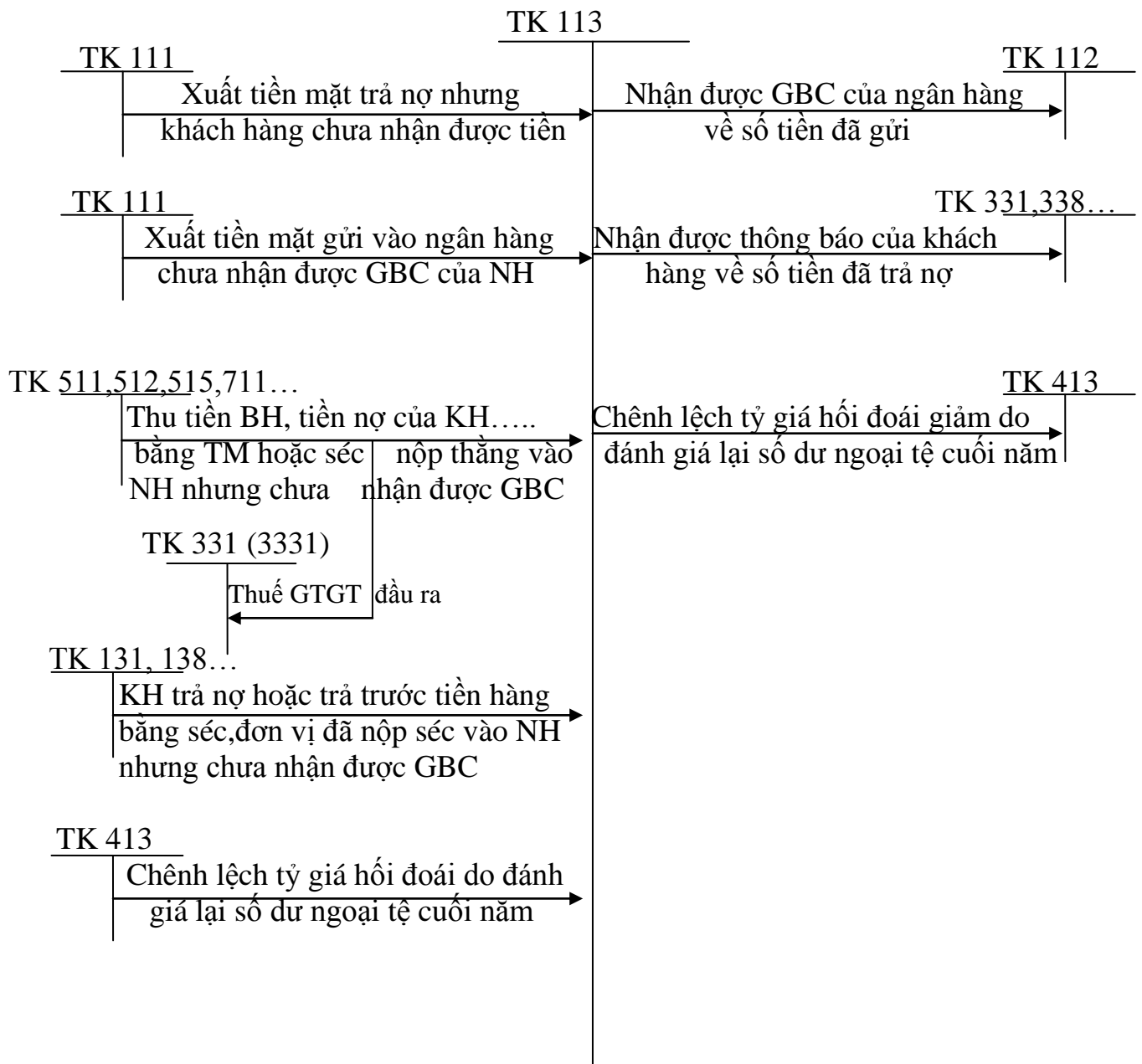
- Tiền đang chuyển. Nội dung và kết cấu tài khoản này:
 - Bên Nợ : Các khoản tiền nội tệ, ngoại tệ, séc đã nộp vào ngân hàng hoặc đã chuyển vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng
 - Bên Có : Số kết chuyển vào tài khoản TGNH hoặc các khoản Nợ phải trả.
 - Số dư bên Nợ : Các khoản tiền đang chuyển.

Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp 2 :

TK 1131 - "Tiền Việt Nam": Phản ánh tiền đang chuyển bằng tiền Việt Nam.

TK 1132 - "Ngoại tệ": Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ.

1.4.1: Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển



1.5. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:
- Sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

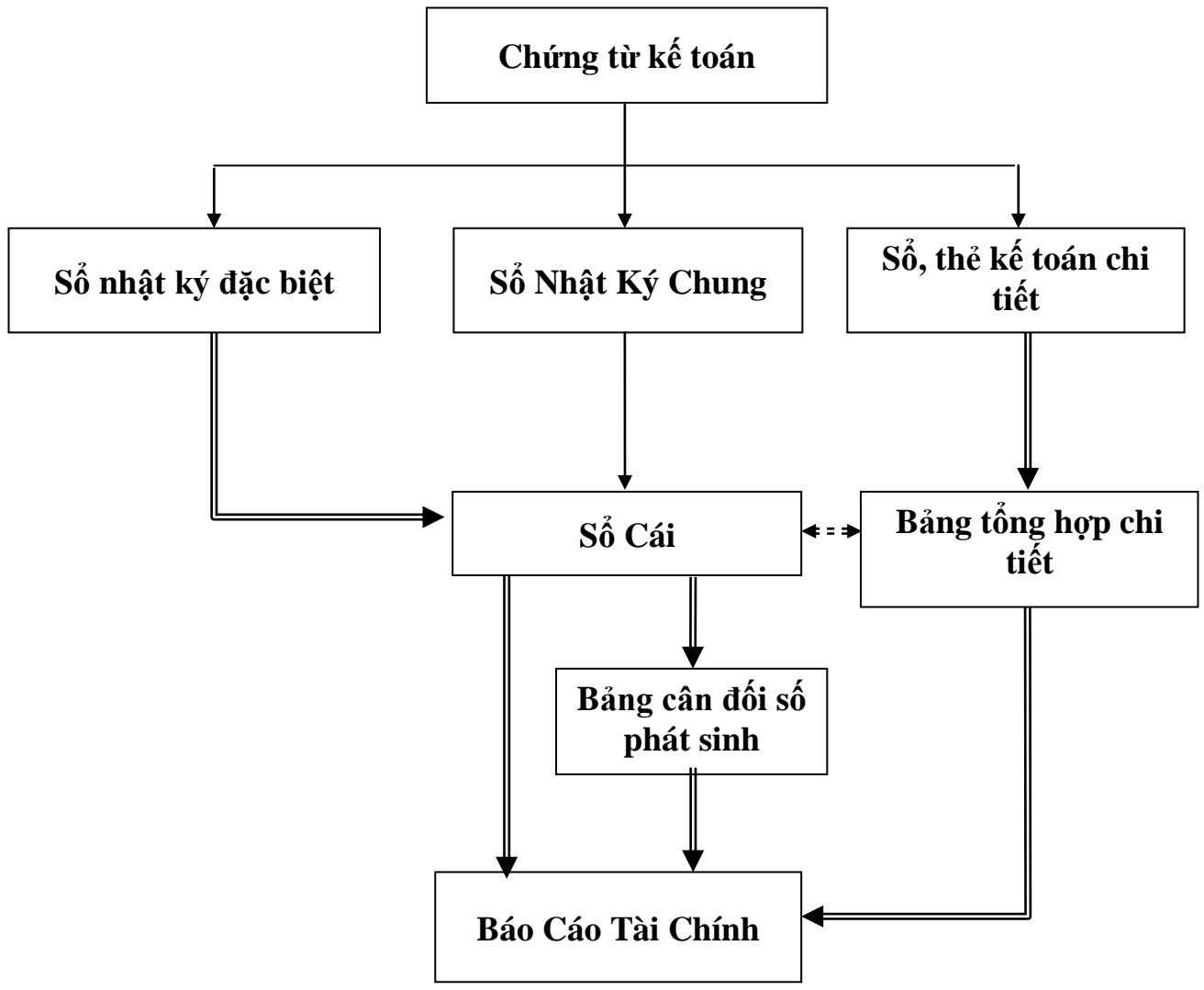
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.5.1 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ⇔ Quan hệ đối chiếu và kiểm tra

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Đức Tài

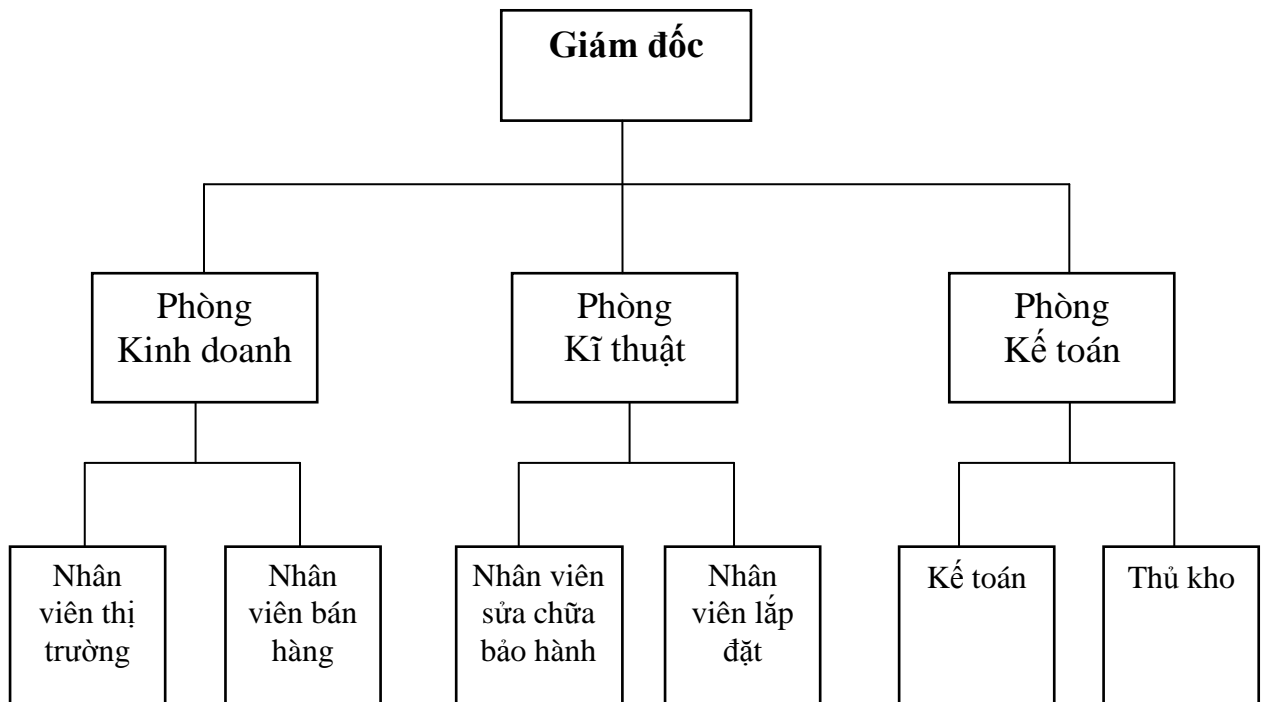
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Tên: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Tài
- Tên tiếng anh: DUC TAI COMPANY LIMITED, Viết tắt: DUCTAI.CO,LTD.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn
- Trụ sở chính: 42 Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Văn phòng giao dịch: 42 Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 02 005 90 589
- Fax: 0313 920 768
- Email: Baohanhaiphong @gmail.com
- Số điện thoại: 0313 920 768
- Số hiệu mở tài khoản ngân hàng:
 - + 19025758594010_ Ngân hàng Techcombank.
 - + 9727139_ Ngân hàng Á Châu.
- Số Đăng kí kinh doanh: 0202002012 đã thay đổi 1 lần. Đăng kí lần đầu tiên ngày 13/07/2004, thay đổi lần đầu vào ngày 07/11/2005. Lý do: do thay đổi giám đốc tỷ lệ góp vốn và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Từ khi thành lập (13/07/2004) vốn điều lệ của công ty là 1 tỷ đồng trong đó:
 - + Ông Đỗ Hồng Tiến: 400,000,000 vnd (40%)_ Giám đốc.
 - + Ông Phạm Phúc Bình: 300,000,000 vnd (30%)
 - + Ông Trần Lương Thiện: 300,000,000 vnd (30%)
- Ngành nghề theo đăng kí kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh, bảo hành và sửa chữa: Điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp, thiết bị viễn thông.
- Từ lúc sửa đổi lần 1 (07/11/2005) vốn điều lệ của công ty là 1 tỷ đồng trong đó:
 - + Ông Trần Lương Thiện: 500,000,000 vnd (50%)_ Giám đốc.
 - + Ông Phạm Phúc Bình: 500,000,000 vnd (50%)

- Ngành nghề theo đăng kí kinh doanh: Cung cấp thiết bị nghe nhìn kỹ thuật số. Sản xuất, kinh doanh, bảo hành và sửa chữa: Điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp, thiết bị viễn thông
- Hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp:
 - + Cung cấp các thiết bị nghe nhìn, các dịch vụ truyền hình số vệ tinh, dịch vụ truyền hình trả tiền và gia hạn thuê bao.
 - + Bảo hành sửa chữa các thiết bị điện tử...
- Thuận lợi: Đời sống của người dân tăng, thu nhập tăng dẫn đến tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ truyền hình có chất lượng cao
- Khó khăn: Do đã phát triển một thời gian tương đối dài dẫn đến số lượng các nhà cung cấp dịch vụ này khá lớn, doanh nghiệp gặp nhiều sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác.
- Từ khi thành lập đến nay vốn điều lệ không thay đổi vẫn là 1 tỷ đồng, nhưng có sự thay đổi tỷ lệ góp vốn giữa các thành viên.

Bảng 2.1.1 Bảng kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm 2011, 2012, 2013.

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng doanh thu	10.580.012.417	15.718.456.450	19.534.245.672
2	Tổng chi phí	8.681.713.038	13.206.407.082	16.044.506.175
3	Lợi nhuận trước thuế	1.898.299.372	2.512.049.370	3.489.739.500
4	Thuế TNDN phải nộp	474.574.843	628.012.343	872.434.875
5	Lợi nhuận sau thuế	1.423.724.529	1.884.037.027	2.617.304.625

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý**Sơ đồ 2.1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý***1. Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban*

a/ Phòng kinh doanh : tên gọi chung của bộ phận thuộc doanh nghiệp trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị- bán hàng tới các khách hàng và khách hàng tiềm năng của Doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu về doanh số hay thị phần,..

- Lập các kế hoạch Kinh doanh và triển khai thực hiện
- Thiết lập, giao dịch trực tiếp với hệ thống Khách hàng, hệ thống nhà phân phối
- Thực hiện hoạt động bán hàng tới các Khách hàng nhằm mang lại Doanh thu cho Doanh nghiệp

b/ Phòng kỹ thuật :

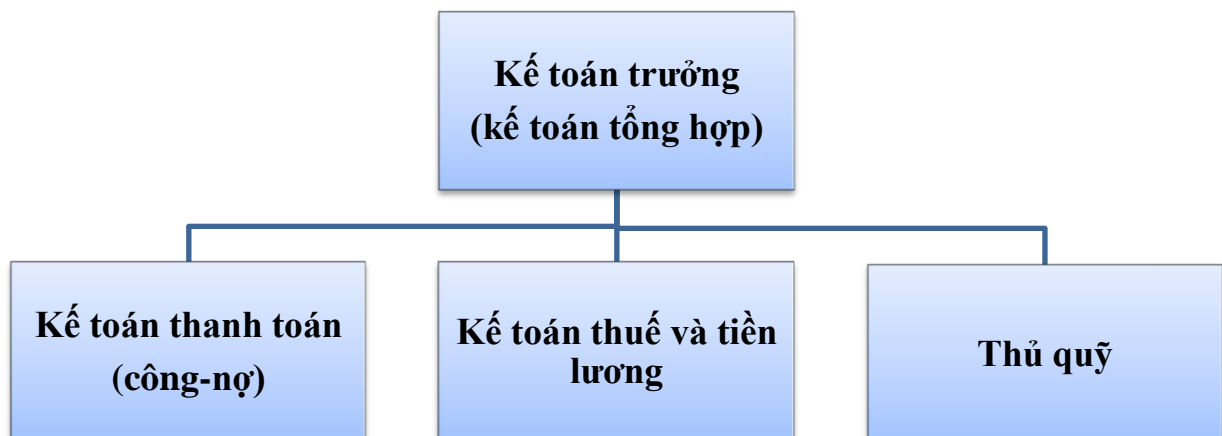
- Hỗ trợ, triển khai sản phẩm mới về kỹ thuật sản phẩm.
- Quản lý và đưa ra các chỉ thị liên quan đến kỹ thuật cho các phẩm và công đoạn.
- Tiến hành phân tích lỗi công đoạn, lỗi linh kiện...để các phòng ban liên quan hay nhà cung cấp có thể tiến hành cải tiến khắc phục lỗi.

c/ Phòng kế toán: Thực hiện công tác tổng hợp báo cáo quản trị nội bộ, các báo cáo ra bên ngoài cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về các hoạt động đó theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

- Thực hiện việc tổ chức công tác kế toán, bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống chứng từ, luân chuyển chứng từ, biểu mẫu, hệ thống sổ sách, hệ thống báo cáo theo đúng chế độ kế toán. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về kế toán tài chính theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế, quy định và quy trình của Công ty.
- Thực hiện chức năng thanh toán, chuyển tiền phục vụ khách hàng và các phòng/ban trong Công ty theo Quy định của Pháp luật và quy trình, quy định của Công ty.
- Tổng hợp số liệu kế toán và thực hiện các báo cáo tài chính định kỳ/đợt xuất theo quy định và yêu cầu của Công ty, của ngành và của Nhà nước.
- Thực hiện quản lý, kiểm tra, kiểm soát chi phí hoạt động theo định mức tài chính, ngân sách và báo cáo Tổng giám đốc định kỳ tháng, quý, năm.
- Lưu trữ hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán theo Quy định.

2. Tổ chức bộ máy kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp.



1.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

a/ Chức năng nhiệm vụ

- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp**+ Chức năng:**

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

+ Nhiệm vụ:

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán.

- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty.

- Lập Báo cáo tài chính.

+ Quyền hạn:

- Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

- Có ý kiến bằng văn bản với Giám đốc công ty về việc tuyển dụng, chuyển chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ.

- Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính.

+ Công việc kế toán tổng hợp

- Kiểm tra toàn bộ các định khoản, các nghiệp vụ phát sinh.

- Kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu chi tiết và số liệu tổng hợp.

- Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và đúng với thực tế không.

- Xác định và đề xuất lập dự phòng hoặc xử lý công nợ phải thu khó đòi.

- Tính giá thành, định khoản các nghiệp vụ về giá thành.

- Kết chuyển doanh thu, chi phí, lãi lỗ.

- In sổ kế toán.

- Lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê,...

- Kế toán thanh toán (công – nợ)

- Nhận hợp đồng kinh tế của các bộ phận

- Kiểm tra nội dung, các điều khoản trong hợp đồng có liên quan đến điều khoản thanh toán.

- Thêm mã khách hàng, mã nhà cung cấp mới đối với các khách hàng mới
 - Sửa mã trên đối với khách hàng, nhà cung cấp có sự thay đổi
 - Nhận đề nghị xác nhận công nợ với khách hàng, nhà cung cấp
 - Xác nhận hoá đơn bán hàng, chứng từ thanh toán
 - Khách hàng mua hàng theo từng đề nghị và dựa trên hợp đồng nguyên tắc bán hàng đã ký, kiểm tra giá trị hàng mà khách hàng muốn mua, hạn mức tín dụng và thời hạn thanh toán mà công ty chấp nhận cho từng khách hàng.
 - Khách hàng mua hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký, kiểm tra về số lượng hàng, chủng loại hàng hoá, phụ kiện đi kèm, giá bán, thời hạn thanh toán.
 - Kiểm tra chi tiết công nợ của từng khách hàng theo từng chứng từ phát sinh công nợ, hạn thanh toán, số tiền đã quá hạn, báo cho bộ phận bán hàng, cán bộ thu nợ và cán bộ quản lý cấp trên
 - Theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, khi khách hàng trả tiền tách các khoản nợ theo hợp đồng, theo hoá đơn bán hàng.
 - Đôn đốc và trực tiếp tham gia thu hồi nợ với các khoản công nợ khó đòi, nợ lâu, và các khoản công nợ trả trước cho nhà cung cấp đã quá thời hạn nhập hàng hoặc nhận dịch vụ.
 - Lập bút toán kết chuyển công nợ hàng hoá, dịch vụ với các Chi nhánh/công ty.
 - Định kỳ làm xác nhận công nợ với các chi nhánh/công ty.
 - Lập thông báo thanh toán công nợ
 - Lập báo cáo tình hình thực hiện các hợp đồng, thông tin chung về công nợ.
 - Kiểm tra số liệu công nợ để lập biên bản xác nhận công nợ với từng khách hàng, từng nhà cung cấp.
- *Kế toán thuế kiêm kế toán lương*
- Trực tiếp làm việc cơ quan thuế khi có phát sinh.
 - Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra
 - Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn công ty, phân loại theo thuế suất
 - Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty
 - Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán

- Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động .

- Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động.

- Thực hiện việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) và kinh phí công đoàn (KPCĐ). Kiểm tra tình hình sử dụng quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

- Tính toán và phân bổ chính xác, đúng đối tượng các khoản tiền lương, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Lập báo cáo về lao động, tiền lương , BHXH, BHYT, KPCĐ thuộc phạm vi trách nhiệm của kế toán. Tổ chức phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

- Thủ quỹ

- Thực hiện thu, chi tiền mặt, ngân phiếu thanh toán và các loại ngoại tệ. Kiểm tra, kiểm soát các loại chứng từ trước khi thu, chi: chữ ký, chứng minh thư nhân dân, số tiền...

- Đối chiếu bảng kê thu, chi tiền khớp đúng với chứng từ và thực tế., đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán.

- Kiểm tra phát hiện tiền giả, lập biên bản thu giữ theo đúng quy định hiện hành. Chọn lọc tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, lặt/bó tiền theo quy định

- Hướng dẫn khách hàng làm thủ tục nộp/lĩnh tiền, giải đáp mọi thắc mắc cho khách hàng về các nghiệp vụ liên quan. Nhập số liệu vào máy, cân quỹ cuối ngày

- Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.

- Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.

b) Tổ chức công tác kế toán tại công ty

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty TNHH Đức Tài là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ do vậy công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006.

- Kỳ kế toán trong năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng : Việt Nam đồng.

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

- Nộp thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Theo dõi hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Giá vốn hàng xuất kho: Do doanh nghiệp kinh doanh theo phương thức là tổng đại lý nên giá bán là giá nhập, lợi nhuận là hoa hồng bán hàng.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Doanh nghiệp không có tài sản cố định, không tính khấu hao.

c) Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo kế toán

- Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định bao gồm:

+ Bảng Cân đối kế toán : Mẫu số B01- DNN

+ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh : Mẫu số B02- DNN

+ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ : Mẫu số B03- DNN

+ Bản Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu số B09- DNN

+ Bản Cân đối tài khoản : Mẫu số F01- DNN

Ngoài ra còn lập thêm một số báo cáo khác như bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế.....

2.2. THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc tài sản lưu động được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán. Vốn bằng tiền là loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng. Với công ty TNHH Đức Tài vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

2.2.1 Kế toán tiền mặt

a) Đặc điểm về tiền mặt của công ty

- Tiền mặt tại quỹ(111): Gồm tiền Việt Nam hiện đang giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt nhiều và giá trị không lớn, chủ yếu là các nghiệp vụ tạm ứng, thanh toán lương và các

khoản phụ cấp lương, BHXH cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra đối với những khoản thanh toán cho nhà cung cấp và cho khách hàng với số tiền không lớn hoặc những hợp đồng kinh doanh nhỏ lẻ, công ty cũng sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

- Hàng ngày kế toán tập hợp các phiếu thu, phiếu chi vào sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết. Các phiếu thu chi phải được đánh số liền mạch theo thứ tự. Các nghiệp vụ tiền mặt luôn được ghi chép phản ánh hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh những khoản thu khoản chi xuất nhập quỹ và có thể tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm.

b) Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu Mẫu số 01-TT
- Phiếu chi Mẫu số 02-TT
- Giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán...

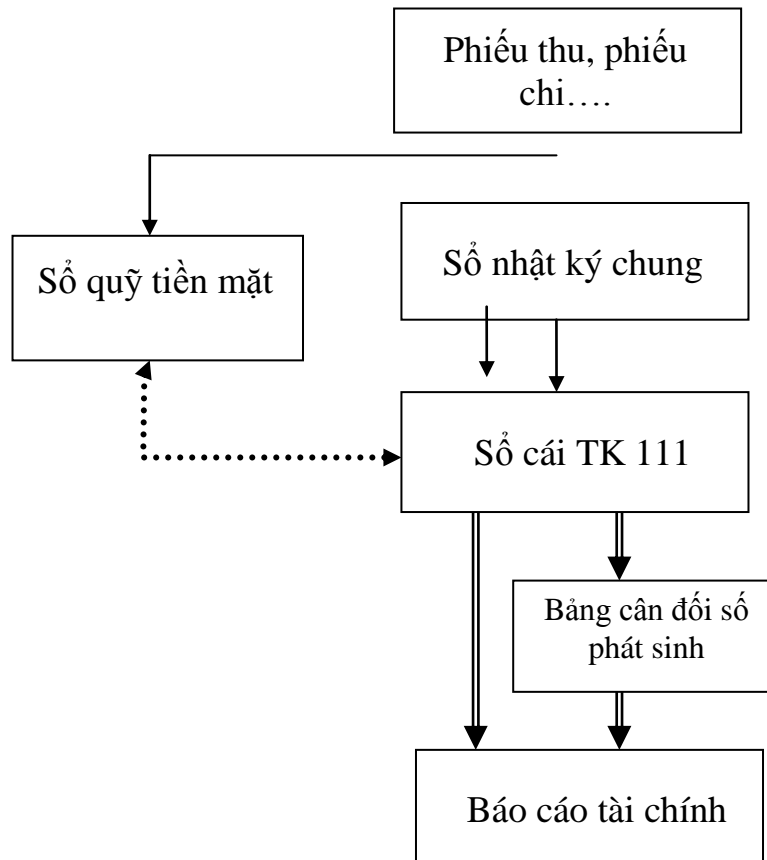
c) Tài khoản sử dụng

- Tài quỹ của công ty chỉ gồm loại tiền duy nhất là Việt Nam đồng không có ngoại tệ và vàng bạc đá quý nên công ty chỉ sử dụng một loại tài khoản duy nhất để hạch toán tiền mặt của công ty là TK 111: Tiền mặt.

d) Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 111
- Sổ quỹ tiền mặt
-

e) Quy trình ghi sổ



Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại Công ty

Ghi chú:

→	: Ghi hàng ngày
==>	: Ghi cuối tháng
←.....	: Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày tại công ty luôn phát sinh các nghiệp vụ thu, chi tiền xen kẽ nhau. Dòng lưu chuyển tiền xảy ra liên tục không ngừng và công ty luôn luôn dự trữ một số tiền nhất định để đáp ứng nhu cầu chi cần thiết.

- Kế toán tiền mặt tại công ty bao gồm: Kế toán thu và kế toán chi.

*)Kế toán thu:

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm:

- Thu từ việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.
- Thu tạm ứng
- Các khoản thu khác

Ví dụ 1.1: Nghiệp vụ thu tiền.

- Ngày 04/12/2013: Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Nam Triệu thanh toán tiền mua thẻ gia hạn thuê bao K+ Pre 12T theo Hóa đơn GTGT 0000152 ngày 04 -12-2013 số tiền là : 2.280.000 VNĐ.

*) Trình tự chứng từ như sau:

- Khi thu tiền thẻ gia hạn thuê bao K+ Pre 12T của khách hàng, Công ty TNHH Đức Tài đã lập HĐ GTGT số 000152 (Biểu số 2.1.1) thành 3 liên: liên 1 lưu lại cuống, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu hành nội bộ.

- Kế toán lập phiếu thu số 02/12 (Biểu số 2.1.2).

- Từ các phiếu thu đã được thực hiện nhập quỹ thủ quỹ tập hợp số liệu vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.1.10)

-Căn cứ trên chứng từ gốc kế toán công ty tập hợp vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.1.11), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.1.12).

- Định kì cộng số liệu trên sổ cái tập hợp vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu, số liệu trên Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1.1: HD GTGT số 0000152

Mẫu số: 01 GTKT- 3/001
AA/13P
0000152

HÓA ĐƠN GTGT

(Liên 1: Lưu)

Ngày 04 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đức Tài

MST: 0200590589

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – HP

Điện thoại:

Số TK: tại Ngân hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty Công nghiệp tàu thủy Nam Triệu

MST: 0200787320

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Địa chỉ: Thôn Nghi- Tam Hưng- Thủy Nguyên – HP

Số TK: tại Ngân hàng:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thẻ Pre 12T	Cái	01	2.072.727	2.072.727
Cộng tiền hàng:					2.072.727
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	207.273
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.280.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.1.2.: Phiếu thu tiền mặt số 08

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: 01 - TT

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số: 02/12

Ngày 04 tháng 12 năm 2013

Họ và tên người nộp tiền: Công ty Công nghiệp tàu thủy Nam Triệu

Địa chỉ: Thôn Nghi - Tam Hưng - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua thẻ gia hạn thuê bao K+ gói Pre 12T

Số tiền: 2.280.000

(Viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Ngày 04 tháng 12 năm 2013.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	---	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Ví dụ 1.2: Nghiệp vụ chi tiền.

- Ngày 01/12/2013: Chi tiền mặt trả cho Tập đoàn viễn thông quân đội, thanh toán tiền cước điện thoại số tiền là 183.610 VNĐ.

*) Trình tự chứng từ như sau:

- Dựa vào HĐ GTGT số 8589596 (Biểu số 2.1.3) , kế toán viết phiếu chi số 02/12

(Biểu số 2.1.4).

- Từ phiếu chi đã được thực hiện xuất quỹ thủ quỹ tập hợp số liệu vào Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.1.10)

- Căn cứ trên chứng từ gốc kế toán công ty tập hợp vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.1.11), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.1.12).

- Định kỳ cộng số liệu trên sổ cái tập hợp vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu, số liệu trên Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1.3: Hóa đơn tiền điện thoại số 8589596

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Mẫu số: 01/GHKT/2003
 Ký hiệu: AB/13T
 Số: 8589596

TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (Số 1 - Quảng Văn Ninh - Bà Định - Hải Phòng) Liên 2: Giao khách hàng
 MST: 010059109106
 Mã thuế GTGT: 04295

Số TK: []
 Tại ngân hàng: 003AB/13T8589596

Đơn vị thực: CN Viettel Hải Phòng - Tập đoàn Viễn Thông Quân ĐỘI
 Tên khách hàng: []
 Tên đơn vị: Cty TNHH Đức Tài
 Địa chỉ: Số 42, Lương Khánh Thiện Ngô Quyền Hải Phòng
 Số thuế bao: 316502772
 Kỳ cước: Từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/11/2013
 Số hợp đồng: 19598/1100028002/18052012 Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	DIỄN GIẢI	NHÀ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT(%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	3	2	3 = 1 x 2	4 = 1 + 3
1	Cước chịu thuế	H	166 918	10	16 692	183 610
2	Cước không chịu thuế	H	0			0
CỘNG			166 918		16 692	183 610

TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN: 183.610
SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng chẵn

Ngày 01 tháng 12 năm 2013
 Người nộp tiền: Thị Thiện Trang (Ký, ghi rõ họ, tên)
 Nhận tiền giao dịch: []
 01685669732

Đơn vị Phát hành hóa đơn là chi của Trung tâm Giải pháp Công nghệ thông tin và Viễn thông Viettel - MST: 0100109109-4841

Biểu số 2.1.4: Phiếu chi tiền mặt số 02

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện-HP

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 12 năm 2013

Số: 02/12

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Thanh – Tập đoàn viễn thông quân đội.

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Thành Tô, Hải An, Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán cước điện thoại.

Số tiền: 183.610

(Viết bằng chữ): Một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm mười ngàn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 01 tháng 12 năm 2013.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm mười ngàn đồng.

Ví dụ 1.3: Nghiệp vụ chi tiền.

- Ngày 02/12/2013: Chi tiền mặt trả cho Công ty chuyển phát nhanh Hải Phòng, thanh toán tiền cước vận chuyển số tiền là 358.046 VNĐ.

***) Trình tự chứng từ như sau:**

- Dựa vào HĐ GTGT số 0001100 (Biểu số 2.1.5) , kế toán viết phiếu chi số 03/12

(Biểu số 2.1.6).

- Từ phiếu chi đã được thực hiện xuất quỹ thủ quỹ tập hợp số liệu vào Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.1.10)

- Căn cứ trên chứng từ gốc kế toán công ty tập hợp vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.1.11), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.1.12).

- Định kì cộng số liệu trên sổ cái tập hợp vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu, số liệu trên Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1.5: HĐ GTGT số 001100

Mẫu số: 01/GTKT-3/001
AA/13P
0001100

HÓA ĐƠN GTGT

(Liên 2: Giao người mua hàng)

Ngày 02 tháng 12 năm 2013.

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Chuyển phát nhanh HP.

MST : 0200920614

Địa chỉ: Số 9 lô A khu tập thể máy xay, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, HP.

Điện thoại: 0313.529129

Số TK: 1020 10000 785556 tại Ngân hàng: Viettinbank-Hồng Bàng-HP

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Đức Tài

MST: 0200590589 Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – HP

Số TK: tại Ngân hàng:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cước chuyển phát nhanh Tháng 11/2013.		0		325.496
Cộng tiền hàng:					325.496
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		32.550
Tổng cộng tiền thanh toán:					358.046
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.1.6: Phiếu chi tiền mặt số 03**Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài****Mẫu số: 02 - TT****Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện-HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI*Ngày 02 tháng 12 năm 2013*

Số: 03/12

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hà .

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do chi: Thanh toán cước vận chuyển tháng 11.

Số tiền: 358.046

(Viết bằng chữ): Ba trăm năm mươi tám nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 12 năm 2013.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm năm mươi tám nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng.

Ví dụ 1.4: Nghiệp vụ chi tiền.

- Ngày 31/12/2013: Chi tiền mặt mua máy in cho Công ty CP Mediamart Việt Nam do Phạm Thị Quyên đã ứng trước theo HĐ 0450369, số tiền là 1.890.000 VNĐ.

*) Trình tự chứng từ như sau:

- Dựa vào HĐ GTGT số 0450369 (Biểu số 2.1.7) , chị Phạm Thị Quyên gửi giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 2.1.8) với số tiền là 1.890.000 đồng.

- Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan trình lên giám đốc duyệt chi, sau đó kế toán lập phiếu chi số 41/12 (Biểu số 2.1.9).

- Từ phiếu chi số 41/12 đã được thực hiện xuất quỹ thủ quỹ tập hợp số liệu vào Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.1.10)

- Căn cứ trên chứng từ gốc kế toán công ty tập hợp vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.1.11), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.1.12).

- Định kì cộng số liệu trên sổ cái tập hợp vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu, số liệu trên Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1.7: HĐ GTGT số 0450369

Mẫu số: 01/GTKT-3/001
AA/13P
0450369

HÓA ĐƠN GTGT

(Liên 2: Giao người mua hàng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Mediamart Việt Nam.

MST : 0102516308

Địa chỉ: Số 10 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Điện thoại: 0313. 72 6666

Số TK: tại Ngân hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Đức Tài

MST: 0200590589 Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – HP

Số TK: tại Ngân hàng:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Máy in laser Brother HL-1111	Cái	01	1.718.182	1.718.182
Cộng tiền hàng:					1.718.182
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		171.818
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.890.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.1.8: Giấy đề nghị thanh toán

Công ty TNHH Đức Tài
Số 42 Lương Khánh Thiện-Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: - Giám đốc công ty TNHH Đức Tài.

Tôi là : Phạm Thị Quyên

Địa chỉ: Phòng kế toán

Nội dung thanh toán: Mua máy in Brother

Số tiền: **1.890.000**

(Viết bằng chữ): **Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.**

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.1.9: Phiếu chi tiền mặt số 41**Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài****Mẫu số: 02 - TT****Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện-HP**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Số: 41/12

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Quyên.

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Chi tiền mua máy in theo HĐ 0450396

Số tiền: 1.890.000

(Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013.***Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Biểu số 2.1.10 : Sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S05a – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: VNĐ

Tháng 12 năm 2013

DVT: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
A	B	C	D	E	1	2	3
				<u>Số dư đầu kì</u>			<u>219.735.915</u>
				Số phát sinh trong kì			
.....
01.12	01.12		01	Phí vệ sinh		50.000	219.685.915
01.12	01.12		02	Cước điện thoại		183.610	219.502.305
01.12	01.12	01		Thu tiền hóa đơn 150	11.120.000		230.622.305
02.12	02.12		03	Phí chuyển phát nhanh		358.046	230.264.259
.....
04.12	04.12	02		Thu tiền hóa đơn 152	2.280.000	
.....
13.12	13.12	13		Thu tiền hóa đơn 166	3.240.000	
.....
31.12	31.12		41	TT tiền mua máy in		1.890.000
.....
				Cộng phát sinh	6.096.341.000	5.402.152.383	
				Dư cuối kì			<u>913.924.532</u>

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến số trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.11 : Nhật kí chung tháng 12 năm 2013

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI- 42 LƯƠNG KHÁNH THIÊN HP – tel 031920768.

NHẬT KÝ CHUNG

THÁNG 12 NĂM 2013

ĐVT: đồng

CTừ	NT	Diễn Giải	TK	Nợ	Có
	01.12.13.	PHÍ VỆ SINH	642	50,000	
PC 01	01.12.13.	CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HP	111		50,000
8589596	01.12.13.	TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI	133	16,692	
	01.12.13.	CƯỚC ĐIỆN THOẠI	642	166,918	
PC 02	01.12.13.	TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI	111		183,610
PT 01	01.12.13.	THU TIỀN HÓA ĐƠN 150	111	11,120,000	
150	01.12.13.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ QUANG MINH	3331		1,010,910
150	01.12.13.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ QUANG MINH	511		10,109,090
PXK	01.12.13.	XUẤT HÀNG HÓA ĐƠN 150	632	10,109,090	
PX 01	01.12.13.	K+ ACC 12T	156		3,900,000
PX 01	01.12.13.	K+ PRE 6T HP	156		6,209,090
1100	02.12.13.	CTY TNHH CHUYỂN PHÁT NHANH HP	133	32,550	
	02.12.13.	CƯỚC CHUYỂN PHÁT NHANH	642	325,496	
Pc 03	02.12.13.	CTY TNHH CHUYỂN PHÁT NHANH HP	111		358,046
	
	03.12.13.	CTY TNHH TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH VN	331	505,150,000	
GBN	03.12.13.	THANH TOÁN TIỀN HÓA ĐƠN NGÀY 2/12	112T		505,150,000
	03.12.13.	PHÍ CHUYỂN TIỀN NH TECHCOMBANK	642	55,567	
GBN	03.12.13.	THANH TOÁN TIỀN HĐ NGÀY 2/12	112T		55,567
				
				
PT 02	04.12.13.	THU TIỀN HÓA ĐƠN 152	111	2,280,000	
152	04.12.13.	CÔNG TY TNHH MTV- TỔNG CTY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY NAM TRIỆU	3331		207,273
152	04.12.13.	CÔNG TY TNHH MTV- TỔNG CTY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY NAM TRIỆU	511		2,072,727
PXK	04.12.13.	XUẤT HÀNG HĐ 152	632	1,870,000	
PXK	04.12.13.	THẺ PRE 12T	156		1,870,000
PT 03	04.12.13.	THU TIỀN HÓA ĐƠN 153	111	18,370,000	

153	04.12.13.	CTY TNHH TM DU LỊCH VÀ SX ĐỨC HUY	3331		1,670,010
153	04.12.13.	CTY TNHH TM DU LỊCH VÀ SX ĐỨC HUY	511		16,699,990
PXK	04.12.13.	XUẤT HÀNG HỀ 153	632	16,699,990	
PX 12	04.12.13.	K+ PRE 3T	156		13,090,900
PX 12	04.12.13.	K+ PRE 6T	156		3,609,090
				
450369	31.12.13	CÔNG TY CP MEDIAMART VIỆT NAM	133	171.818	
	31.12.13	MUA MÁY IN BROTHER	641	1.718.182	
PC 41	31.12.13	CÔNG TY CP MEDIAMART VIỆT NAM	111		1.890.000
				
		CỘNG PHÁT SINH THÁNG 12		53.254.174.435	53.254.174.435

Biểu số 2.1.12: Sổ cái TK 111 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S02c1 – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)

Tháng 12 Năm: 2013

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

ĐVT: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng		<u>219.735.915</u>	
01.12	PC 01	01.12	Phí vệ sinh	642		50.000
01.12	PC 02	01.12	Cước điện thoại	133 642		16.692 166.918
01.12	PT 01	01.12	Thu tiền Công ty TNHH TMĐT Quang Minh	3331 511	1.010.910 10.109.090	
02.12	PC 03	02.12	Chi phí chuyển phát nhanh T11	133 642		32.550 325.496
04.12	PT 02	04.12	Công ty công nghiệp tàu thủy Nam Triệu trả tiền HĐ 152	3331 511	207.273 2.072.727	
.....
31.12	PC 41	31.12	Thanh toán tiền máy in cho Công ty CP Media mart Việt Nam	133 641		171.818 1.718.182
			- Cộng số phát sinh tháng	x	6.096.341.000	5.402.152.383
			- Số dư cuối tháng	x	<u>913.924.532</u>	
			- Cộng lũy kế từ đầu quý	x		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

a) Đặc điểm về tiền gửi ngân hàng của công ty

- Nhiệm vụ của kế toán tiền gửi tại công ty phải phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, việc chấp hành các chế độ quy định về quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Kế toán tiền gửi ngân hàng phải được theo dõi chi tiết theo từng loại tiền gửi và phải chi tiết theo từng ngân hàng để tiện việc kiểm tra đối chiếu.

- Tiền gửi ngân hàng(112): Là tiền Việt Nam mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

+ Tiền gửi ngân hàng của công ty TNHH Đức Tài gồm có:

112A- Tiền gửi Ngân Hàng Á Châu.

112K- Tiền gửi Ngân Hàng Kiên Long.

112T- Tiền gửi Ngân Hàng Techcombank.

b) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Giấy nộp tiền
- Ủy nhiệm thu
- Ủy nhiệm chi
- Bản sao kê của ngân hàng
- Sổ phụ ngân hàng...

c) Tài khoản sử dụng

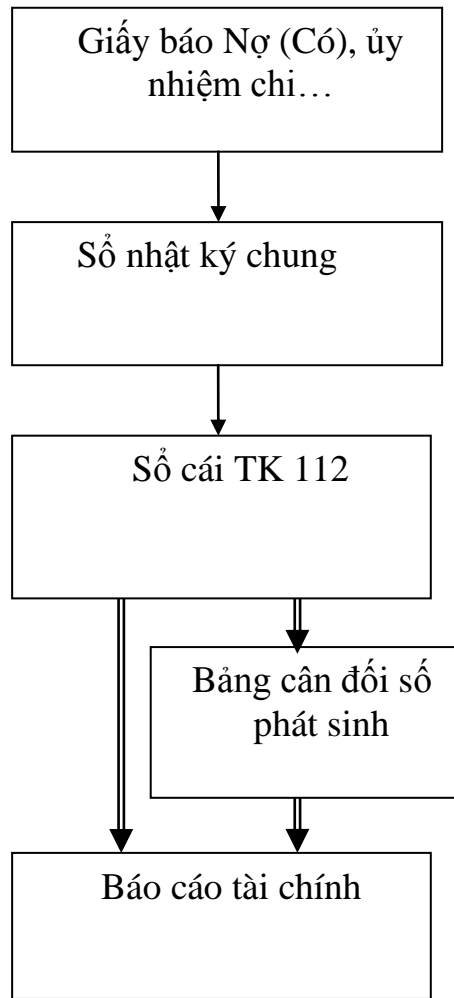
- Để phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có về các tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 112 (112K, 112A, 112T).

d) Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK112

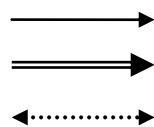
.....

e) Quy trình ghi sổ



Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán vốn bằng TGNH tại Công ty:

Ghi chú:



: Ghi hàng ngày
 : Ghi cuối tháng
 : Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ 1.5: Ngày 25.12 Cửa hàng điện tử Nam Hà thanh toán nợ phải trả qua ngân hàng Techcombank số tiền là 19.959.000 VNĐ.

Biểu 2.2.1 : Phiếu báo có

Mẫu số 01GTKT2/003

Ngân hàng: Techcombank Hải Phòng

Ký hiệu: AA/13T

69 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số: 1655091218987

PHIẾU BÁO CÓ
(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 06 tháng 12 năm 2013

Tên khách hàng: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền
- Hải Phòng.

Số tài khoản:
19025758594010

Loại tiền: VNĐ

Mã số thuế: 02 02 002 012

Loại tài khoản: Tiền gửi

Số ID khách hàng: 25758594

Số bút toán hạch toán:
FT13359A01005747/XNV

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển thanh toán nợ cũ	19.959.000
Tổng số tiền	19.959.000

Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn.

Trích yếu: Thanh toán tiền nợ cũ: Cửa hàng điện tử Nam Hà.

Lập phiếu**Kiểm soát****Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Ví dụ 1.6: Ngày 24.12.2013 xuất quỹ tiền mặt nộp vào ngân hàng Techcombank số tiền 235.000.000 VNĐ. Kế toán nhận lệnh xuất quỹ tiền hành viết phiếu chi.

***) Trình tự chứng từ như sau:**

- Khi nhận được lệnh xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng kế toán tiến hành viết phiếu chi số 31/12 (Biểu số 2.2.1)
- Phiếu chi 31/12 được lập thành 2 liên ghi đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người nhận tiền, người lập phiếu, sau đó chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc.
- Một liên lưu tại nơi lập, một liên giao cho thủ quỹ để chi tiền cho người nhận tiền, khi xuất quỹ thủ quỹ phải đóng dấu đã chi và kí tên vào phiếu chi, thủ quỹ giữ để ghi sổ quỹ, cuối ngày chuyển cho kế toán ghi sổ.
- Sau khi nhận tiền, người nộp tiền (đại diện cho Công ty TNHH Đức Tài) chị Nguyễn Thị Ngọc Huyền mang tiền đến ngân hàng Techcombank để nộp, tại ngân hàng phát hành giấy nộp tiền (Biểu số 2.2.2), ghi nhận Công ty TNHH Đức Tài đã nộp tiền vào tài khoản.
- Ngân hàng gửi giấy báo có đến công ty xác nhận số tiền đã nộp, kế toán căn cứ vào chứng từ để ghi sổ tiền gửi ngân hàng Techcombank (Biểu số 2.2.3).
- Từ chứng từ gốc ghi sổ Nhật Ký Chung (Biểu số 2.2.8), từ sổ Nhật Ký Chung vào Sổ Cái TK 112(Biểu số 2.2.9).

Biểu số 2.2.1 : Phiếu chi số 31/12

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Số: 31/12

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Nộp vào ngân hàng

Số tiền: 235.000.000 (viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc.

Ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.2: Giấy nộp tiền

NGÂN HÀNG TECHCOMBANK HẢI PHÒNG	GIẤY NỘP TIỀN	
Liên 2: Khách hàng giữ	Cash Deposit Slip	
Giờ: 14 ngày 24 tháng 12 năm 2013		
Mã GDV: TT1335899031		
Đề nghị nộp tiền vào tài khoản		
Số TK: 19025758594010		
Tên tài khoản: CT TNHH ĐỨC TÀI.		
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện - HP		
- Người nộp tiền: Nguyễn Thị Ngọc Huyền		
CMND: 030907782		
Ngày cấp: 29/02/2012		
Địa chỉ: CT TNHH Đức Tài		
Tại ngân hàng: NH Techcombank Hải Phòng.		
Nội dung nộp: Nộp tiền vào tài khoản		
Người nộp tiền	Giao dịch viên	Kiểm soát viên
Depositor s signature	Teller	Supervisor

Số tiền bằng số: **235.000.000**
Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn.

Biểu 2.2.3 : Phiếu báo có**Mẫu số 01GTKT2/003**

Ngân hàng: Techcombank Hải Phòng

Ký hiệu: AA/13T

69 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số: 165509685691

PHIẾU BÁO CÓ
(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)
Liên 2: Giao khách hàng

Tên khách hàng: Công ty TNHH Đức Tài
 Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền
 - Hải Phòng.

Mã số thuế: 02 02 002 012
 Số ID khách hàng: 25758594

Ngày 24 tháng 12 năm 2013

Số tài khoản:
 19025758594010

Loại tiền: VNĐ

Loại tài khoản: Tiền gửi

Số bút toán hạch toán:
 TT1335899031

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Nộp tiền vào tài khoản	235.000.000
Tổng số tiền	235.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn.

Trích yếu: Nộp tiền vào TK Đức Tài Co,LTD, số tiền hai trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn.

Lập phiếu*(ký, họ tên)***Kiểm soát***(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)*

Ví dụ 1.7: Ngày 30.12.2013 chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam theo HĐ 0007804 số tiền 470.360.000đ, qua Ngân hàng Techcombank.

***) Trình tự chứng từ như sau:**

- Dựa vào HĐ GTGT số 0007804 (Biểu số 2.2.4) , kế toán lập Ủy nhiệm chi (Biểu số 2.2.5) đến ngân hàng Techcombank.
- Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi giấy báo nợ (Biểu số 2.2.6). Từ Ủy nhiệm chi, kế toán kiểm tra, đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu.
- Từ ủy nhiệm chi kế toán ghi sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng Techcombank (Biểu số 2.2.7)
- Từ ủy nhiệm chi kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2.8), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 112 (Biểu số 2.2.9).

Biểu số 2.2.4: HD GTGT số 0007804

Công ty TNHH Truyền hình số
vệ tinh Việt Nam (VSTV).
Tầng 15 tháp A, tòa nhà Handi,
Resco, số 521 Kim Mã, Hà Nội

Mẫu số: 01 GTKT- 3/001
AA/13P
0007804

HÓA ĐƠN GTGT

(Liên 2: Giao cho khách hàng)

MST: 010 3932332

Số tài khoản: 0611001677460 tại Ngân hàng: Vietcombank_ CN Ba Đình_ HN.

Hoặc 002277788001 tại Ngân hàng HSBC (VN)_ Chi nhánh Hà Nội.

Tên khách hàng: Công ty TNHH Đức Tài

Mã khách hàng: C0088000 Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện - HP

MST: 0200590589

Lập ngày: 30/12/2013

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thẻ Acc 3T	Cái	100	190.000	19.000.000
2	Thẻ Acc 6T	Cái	300	352.727	105.818.100
3	Thẻ Acc 12T	Cái	100	651.818	65.181.800
4	Thẻ Pre 3T	Cái	100	550.000	55.000.000
5	Thẻ Pre 6T	Cái	100	1.040.909	104.090.900
6	Thẻ Pre 12T	Cái	20	1.870.000	37.400.000
7	Thẻ Pre 6T HD	Cái	10	1.460.909	14.609.090
8	Thẻ Pre 12T HD	Cái	50	1.048.182	26.500.000
Cộng tiền hàng:					427.599.890
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	42.760.110
Tổng cộng tiền thanh toán:					470.360.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.2.5: Ủy nhiệm chi số 477

ỦY NHIỆM CHI

Số: 477

Lập ngày 30/12/2013

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN

PHẦN DO NH GHI

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Đức Tài.

Số tài khoản: 19025758594010

Tại Ngân hàng: NH Techcombank

Tên đơn vị nhận tiền: CTY TNHH truyền hình số Việt Nam

Số tài khoản: 0611001677460

Tại Ngân hàng: NH Vietcombank- CN Ba Đình.

Số tiền bằng chữ: 470.360.000.

Nội dung thanh toán: Thanh toán HĐ 0007804 ngày 30.12

TK Nợ

.....

TK Có

.....

Số tiền bằng số

470.360.000 đ

Đơn vị trả tiền

Kế toán Chủ tài khoản

Ngân hàng A

Ghi sổ ngày 30/12/2013

Kế toán Trưởng phòng kế toán

Ngân hàng B

Ghi sổ ngày

Kế toán Trưởng phòng kế toán

Biểu số 2.2.6: Giấy báo nợ của ngân hàng Techcombank.

Ngân hàng: Techcombank Hải Phòng
69 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã GDV:
Mã KH:25758594
Số GD: 25

PHIẾU BÁO NỢ

Ngày 30 tháng 12 năm 2013.

Kính gửi: Công ty TNHH Đức Tài

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số Tài khoản ghi nợ: 19025758594010

Số tiền bằng số: 470.360.000

Phí chuyển tiền: 51.740

Tổng cộng: 470.411.740

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu bốn trăm mười một nghìn bảy trăm bốn mươi đồng./

Nội dung: Thanh toán tiền HĐ 0007804 ngày 30.12.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.2.7 : Sổ tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S06a – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện - HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Tiền gửi tại ngân hàng Techcombank

Loại quỹ: VNĐ

Tháng 12 năm 2013

ĐVT: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Số hiệu chứng từ		TK ĐƯ	Diễn giải	Số tiền		
	SH	NT			Gửi vào	Rút ra	Còn lại
A	C	D		E	1	2	3
				Số dư đầu kì Số phát sinh trong kì			8.788.955
02.12	GBC	02.12	111	Rút TM gửi ngân hàng	485.000.000		493.788.955
02.12	GBC	02.12	111	Rút TM gửi ngân hàng	258.000.000		751.788.955
02.12	GBN	02.12	331	Thanh toán tiền HĐ 007211		351.100.000	400.688.955
.....
09.12	GBN	09.12	331	TT tiền HĐ 7318,HĐ 7322		829.590.000	369.452.711
.....
24.12	GBC	24.12	111	Rút TM gửi ngân hàng	235.000.000		295.668.235
.....
25.12	GBC	25.12	131	Nam Hà thanh toán nợ cũ.	19.959.000		197.890.455
.....
30.12	GBN	30.12	331	Thanh toán tiền HĐ 007804		470.360.000	92.181.291
			642	Phí chuyển tiền		51.740	92.129.551
.....
				Cộng phát sinh Dư cuối kì	4.956.953.741	4.962.806.319	2.936.377

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến số trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.8 : Nhật kí chung tháng 12 năm 2013

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI- SỐ 42 LƯƠNG KHÁNH THIÊN HP – tel 031920768.

NHẬT KÝ CHUNG

THÁNG 12 NĂM 2013

ĐVT: đồng

CTỬ	NT	DIỄN GIẢI	TK	NỢ	CÓ
	01.12.13.	PHÍ VỆ SINH	642	50,000	
PC 01	01.12.13.	CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HP	111		50,000
8589596	01.12.13.	TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI	133	16,692	
	01.12.13.	CƯỚC ĐIỆN THOẠI	642	166,918	
PC 02	01.12.13.	TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI	111		183,610
				
1100	02.12.13.	CTY TNHH CHUYỂN PHÁT NHANH HP	133	32,550	
	02.12.13.	CƯỚC CHUYỂN PHÁT NHANH	642	325,496	
PC 03	02.12.13.	CTY TNHH CHUYỂN PHÁT NHANH HP	111		358,046
				
GBC	02.12.13.	NỢP TIỀN VÀO NH TECHCOMBANK	112T	485.000.000	
PC 04	02.12.13.	NỢP TIỀN VÀO NH TECHCOMBANK	111		485.000.000
GBC	02.12.13.	NỢP TIỀN VÀO NH TECHCOMBANK	112T	258.000.000	
PC 04	02.12.13.	NỢP TIỀN VÀO NH TECHCOMBANK	111		258.000.000
	02.12.13.	CTY TNHH TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH VN	331	351.100.000	
GBN	02.12.13.	THANH TOÁN TIỀN HÓA ĐƠN 007211	112T		351.100.000
	
	03.12.13.	CTY TNHH TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH VN	331	505,150,000	
GBN	03.12.13.	THANH TOÁN TIỀN HÓA ĐƠN 02/12	112T		505,150,000
	03.12.13.	PHÍ CHUYỂN TIỀN NH TECHCOMBANK	642	55,567	
GBN	03.12.13.	PHÍ CHUYỂN TIỀN NH TECHCOMBANK	112T		55,567
				
GBC	24.12.13.	NỢP TIỀN VÀO NH TECHCOMBANK	112T	235.000.000	
PC 31	24.12.13.	NỢP TIỀN VÀO NH TECHCOMBANK	111		235.000.000
				
GBC	25.12.13.	CHẾT NAM HÀ THANH TOÁN NỢ	112T	19.959.000	
	25.12.13.	CHẾT NAM HÀ THANH TOÁN NỢ	131		19.959.000

				
	30.12.13.	CTY TNHH TRUYỀN HÌNH SỐ VỆ TINH VN	331	470.360.000	
GBN	30.12.13.	THANH TOÁN TIỀN HĐ 007894	112t		470.360.000
	30.12.13.	PHÍ CHUYỂN TIỀN NH TECHCOMBANK	642	51.740	
GBN	30.12.13.	PHÍ CHUYỂN TIỀN NH TECHCOMBANK	112t		51.740
				
450369	31.12.13	CÔNG TY CP MEDIAMART VIỆT NAM	133	171.818	
	31.12.13	MUA MÁY IN BROTHER	641	1.718.182	
PC 41	31.12.13	CÔNG TY CP MEDIAMART VIỆT NAM	111		1.890.000
				
		CỘNG PHÁT SINH THÁNG 12		53.254.174.435	53.254.174.435

Biểu 2.2.9: Sổ cái TK 112

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S02c1 – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)

Tháng 12 Năm: 2013

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng (NH Techcombank)

Số hiệu: 112T

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu năm		<u>8.788.955</u>	
			- Số phát sinh trong tháng			
02.12	GBC	02.12	Rút tiền mặt gửi ngân hàng	111	485.000.000	
02.12	GBC	02.12	Rút tiền mặt gửi ngân hàng	111	258.000.000	
02.12	GBN	02.12	Thanh toán tiền HĐ 007211	331		351.100.000
.....
24.12	GBC	24.12	Rút tiền mặt gửi ngân hàng	111	235.000.000	
.....
25.12	GBC	25.12	Nam Hà thanh toán nợ cũ	131	19.959.000	
.....
30.12	GBN	30.12	Thanh toán tiền HĐ 0007804	331		470.360.000
			Phí chuyển tiền	642		51.740
.....
			- Cộng số phát sinh tháng	x	4.956.953.741	4.962.806.319
			- Số dư cuối tháng	x	<u>2.936.377</u>	
			- Cộng lũy kế từ đầu quý	x		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.2.10: Sổ phụ khách hàng ngân hàng Techcombank.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM HPG- TCB HAI PHONG		TECHCOMBANK		Trang 1/2	
SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG (Từ ngày 20/12/2013 đến ngày 31/12/2013)					
Số tài khoản : 190.25758594.01.0		Loại tiền : VND			
Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN		Số ID khách hàng: 25758594			
Khách hàng : CONG TY TNHH DUC TAI					
Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có	Số dư
	Số dư đầu kỳ			30,369,952.00	
20/12/2013	CTY TNHH DUC TAI TT DON HANG NGAY 20/12/2013(225.540.000-BU GIA DOT 3 219.400.000)	FT13354000008031	6,151,000.00		24,218,952.00
23/12/2013	NGUYEN THI NGOC HUYEN SO CMND 030907782 NOP TIEN VAO TAI KHOAN DUC TAI CO.,LTD SO TIEN NOP 835000000	TT1335799014		835,000,000.00	859,218,952.00
23/12/2013	CTY TNHH DUC TAI TT DON HANG SO 17/12 NGÀY 23/12/13	FT13357000008018	824,760,714.00		34,458,238.00
24/12/2013	B/O:CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CN TTP CTY CP DT PT CN TTP CT HANG CHO CT YTNHH DUC TAI	FT13358A02000487A		33,970,000.00	68,428,238.00
24/12/2013	NGUYEN THI NGOC HUYEN SO CMND 030907782 NOP TIEN VAO TAI KHOAN DUC TAI CO.,LTD SO TIEN NOP 235000000	TT1335899031		235,000,000.00	303,428,238.00
24/12/2013	CTY TNHH DUC TAI TT DON HANG SO 18/12 NGÀY 24/12/13 MA CODE 88000 (524.900.000-312.250.000 BU DOT 4)	FT13358000008122	212,673,392.00		90,754,846.00
25/12/2013	NGUYEN THI NGOC HUYEN SO CMND 030907782 NOP TIEN VAO TAI KHOAN DUC TAI CO.,LTD SO TIEN NOP 483500000	TT1335999032		483,500,000.00	574,254,846.00
25/12/2013	B/O:CTY TNHH I TV DIEN TU NAM HA TH ANH TOAN TIEN HANG	FT13359A01005747A		19,959,000.00	594,213,846.00
25/12/2013	CTY TNHH DUC TAI TT DON HANG NGÀY 25/12/2013 SO 19/12 MA CODE 88000	FT13359000008029	572,302,946.00		21,910,900.00
26/12/2013	B/O:CTY TNHH MTV DIEN TU TRUNG KIEN TT TIEN HANG CHO CONG TY TNHH DUC TAI	FT13360A01000799A		45,985,000.00	67,895,900.00
27/12/2013	NGUYEN THI NGOC HUYEN SO CMND 030907782 NOP TIEN VAO TAI KHOAN DUC TAI CO.,LTD SO TIEN NOP 185000000	TT1336160040		185,000,000.00	252,895,900.00
27/12/2013	CT TNHH DUC TAI TT DON HANG SO 20/12 NGÀY 27/12/13 CODE 88000 (505730000-254800000 TRU GIA PRE DOT 5	FT13361000093013	250,957,602.00		1,938,298.00
30/12/2013	NGUYEN THI NGOC HUYEN SO CMND 030907782 NOP TIEN VAO TAI KHOAN DUC TAI CO.,LTD SO TIEN NOP 395000000	TT1336499022		395,000,000.00	396,938,298.00

Ngày giờ in: 06/01/2014 14:38:05 - LUONG09.102 - Số tra cứu nhanh: 172989

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
HPG- TCB HAI PHONG

TECHCOMBANK 

Trang 2/2

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Từ ngày 20/12/2013 đến ngày 31/12/2013)

Số tài khoản : 190.25758594.01.0

Loại tiền : VND

Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN

Khách hàng : CONG TY TNHH DUC TAI

Số ID khách hàng: 25758594

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có	Số dư
30/12/2013	CTY TNHH DUC TAI TT DON HANG SO 21/12 NGAY 30/12/2013 MA CODE 88000	FT13364000008022	393,593,291.00		3,345,007.00
30/12/2013	NGUYEN THI NGOC HUYEN SO CMND 030907782 NOP TIEN VAO TAI KHOAN DUC TAI CO.,LTD SO TIEN NOP 470000000	TT1336499037		470,000,000.00	473,345,007.00
30/12/2013	CTY TNHH DUC TAI TT DON HANG SO 22/12 NGAY 30/12	FT13364000008050	470,411,740.00		2,933,267.00
31/12/2013	Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12/2013	19025758594010-20		25,110.00	2,958,377.00
31/12/2013	Thuế VAT	19025758594010-20	2,000.00		2,956,377.00
31/12/2013	Phí quản lý tài khoản	19025758594010-20	20,000.00		2,936,377.00
Công doanh số			2,730,872,685.00	2,703,439,110.00	
Số dư cuối kỳ				2,936,377.00	

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Ngày giờ in: 06/01/2014 14:38:06 - LUONG09.102 - Số tra cứu nhanh: 172989

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI

3.1. Đánh giá chung về những thuận lợi và khó khăn của Công ty TNHH Đức Tài trong thời gian gần đây.**3.1.1. Thuận lợi:**

Sau hơn 10 năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty TNHH Đức Tài đã là 1 doanh nghiệp có nhiều thay đổi trong quá trình phát triển, lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng đa dạng dịch vụ, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo công ty.

Mới đầu thành lập Công ty TNHH Đức Tài chỉ là một công ty nhỏ chuyên sửa chữa và bảo hành các thiết bị điện tử, làm Trạm bảo hành của các hãng có cửa hàng bán lẻ đặt trụ sở tại Hải Phòng, sau đó nhận ra sự phát triển của Truyền hình số lãnh đạo công ty đã mạnh dạn chuyển đổi sang cung cấp các thiết bị nghe nhìn kỹ thuật số mà bước khởi đầu là Truyền hình tín hiệu mặt đất do VTC cung cấp. Vào những năm 2008 sau khi VTV Cab khai tử truyền hình vệ tinh DTH để phát triển nền tảng truyền hình cáp và tiến bước lên công nghệ HD, VTV đã dùng K+ làm mục tiêu mới. K+ sử dụng kỹ thuật truyền sóng trên nền tảng Direct - To - Home (DTH - trực tiếp qua vệ tinh) và những công nghệ tiên tiến về truyền hình; dịch vụ truyền hình K+ phủ sóng trên toàn lãnh thổ của Việt Nam thông qua vệ tinh, sử dụng công nghệ kỹ thuật số để truyền tín hiệu hình ảnh và âm thanh; có khả năng phát các kênh SD và kênh HD..K+ được phép toàn quyền phát sóng 380 trận đấu của EPL trong 3 năm liên tiếp. Ngoài ra K+ cũng độc quyền phát sóng toàn bộ trận đấu diễn ra vào chủ nhật (Super Sunday), độc quyền các trận đấu sớm ngày thứ bảy (vào các khung giờ 18 giờ 45 hoặc 19 giờ 45 - giờ Việt Nam).

Ngoài EPL, K+ có bản quyền phát sóng các giải đấu khác như La Liga, Serie A, Champions League, Europa League, Bundesliga, Ligue 1, Championship,

League One, League Two, Carling Cup, 150 trận đấu vòng loại và các trận đấu giao hữu quốc tế của World Cup 2014 khu vực châu Âu và Nam Mỹ.

Nắm bắt được nhu cầu giải trí tăng cao do thu nhập người dân tăng, công ty TNHH Đức Tài đã tham gia kinh doanh dịch vụ truyền hình số vệ tinh và dịch vụ truyền hình trả tiền để đáp ứng nhu cầu của người dân. Mức sống và nhu cầu giải trí càng ngày càng tăng của người dân là 1 thuận lợi lớn cho việc kinh doanh của công ty.

3.1.2. Khó khăn:

- Do Công ty chuyển sang hình thức kinh doanh truyền hình trả tiền tương đối muộn nên số lượng các nhà cung cấp dịch vụ này khá lớn, doanh nghiệp gặp nhiều sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác. Ngoài ra mặc dù K+ có chất lượng tốt nhưng giá thành còn cao so với nhiều hình thức truyền hình giá rẻ hơn như: VTC, truyền hình cáp, AVG....

- Công ty TNHH Đức Tài chuyển sang hình thức kinh doanh Truyền hình K+ được 4 năm mà đã làm Tổng Đại Lý phân phối chính thức cho 1 khu vực rất lớn nên việc quản lý kinh doanh còn chưa chặt chẽ, còn nhiều thiếu sót chưa khắc phục được.

-Trang thiết bị cơ sở hạ tầng của công ty còn thiếu thốn và lạc hậu.....

***)Thành tích đạt được:**

Công ty TNHH là Tổng Đại Lý phân phối chính và độc quyền sản phẩm K+ cho các Đại lý bán lẻ và cửa hàng thuộc phân vùng: Hải Phòng- Quảng Ninh- Hải Dương, đây là một phân vùng rất thuận lợi cho phát triển dịch vụ Truyền hình trả tiền do số lượng dân cư lớn và có mức sống cao.

3.2. Đánh giá thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Tài

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

- Về công tác quản lý:

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa, công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho hiệu quả. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến

khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện.

Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng nhanh chóng hơn.

- Về công tác kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán đều được phân công công việc rõ ràng, hoạt động một cách nề nếp. Các cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu chính xác. Về hình thức sổ kế toán: Hiện nay, công ty Đức Tài đang áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quá trình hạch toán và phù hợp với quy mô công ty.

- Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

Trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

- Về chứng từ sổ sách kế toán:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung và các chứng từ các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo quy định hiện hành và được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Sổ sách công ty được ghi chép đầy đủ rõ ràng, chính xác.

Các chứng từ luân chuyển đều hợp lý. Hệ thống sổ sách, chứng từ được luân chuyển lưu trữ một cách hợp lý và khoa học.

**) Tuy vậy Công ty TNHH vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục:*

a) Về việc quản lý công nợ

- Công ty có nhiều đối tác nên có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh về tiền mặt cũng như tiền gửi Ngân hàng, tuy vậy việc quản lý công-nợ còn nhiều lỏng lẻo

chỉ dựa vào Nhật ký chung và Sổ cái nên có thể xảy ra nhầm lẫn giữa các Cửa hàng hoặc Đại lý bán lẻ trùng tên nhưng khác vị trí địa lý.

b) Về hệ thống sổ sách

Công ty tập trung ghi toàn bộ các nghiệp vụ vào nhật ký chung và sổ chi tiết mà chưa mở các sổ nhật ký đặc biệt như: Nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền... không tiện cho việc theo dõi các khoản thu chi trong kỳ. Công ty chưa mở rộng hệ thống sổ sách để hỗ trợ cho việc theo dõi đối chiếu số liệu. Ngoài ra chưa có sổ chi tiết và tổng hợp cho TK112. Hệ thống BCTC tương đối hoàn thiện nhưng ít khi lập và quan tâm tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

c) Về hệ thống thanh toán

Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, vẫn còn thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn, chưa đảm bảo chế độ. Việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

d) Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

Hiện nay công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: word, excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Đức Tài.

3.3.1. Ý kiến thứ 1: Hoàn thiện hệ thống sổ sách.

- Thực hiện lập Sổ tổng hợp TK112.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty TNHH Đức Tài gồm có tiền gửi tại 3 Ngân hàng là: Techcombank, Kiên Long Bank và Ngân hàng Á Châu tuy vậy Công ty TNHH Đức Tài chủ yếu giao dịch bằng TK Ngân hàng Techcombank nên hiện tại chỉ sử dụng Sổ cái và Sổ tiền gửi ngân hàng để theo dõi tiền gửi ở 3 ngân hàng doanh nghiệp chỉ quan tâm tới sổ chi tiết chứ chưa quan tâm tới các loại sổ tổng hợp. Chưa lập sổ tổng hợp chi tiết đôi lúc gây khó khăn cho việc theo dõi và đối chiếu số liệu, doanh nghiệp nên lập sổ tổng hợp để theo dõi 1 cách chặt chẽ, chính xác hơn. Công ty nên thực hiện lập sổ Tổng hợp TK 112 theo mẫu sau:

Biểu số 3.1: Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng**Công ty TNHH Đức Tài**

42 Lương Khánh Thiện- Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG*Tháng 12 năm 2013**Đơn vị tính: đồng*

S T T	Tên ngân hàng	Mã ngân hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ngân hàng Techcombank	19025758594010	8.788.955		4.956.953.741	4.962.806.319	2.936.377	
2	Ngân hàng Á Châu	9727139	5.435.923		42.424.998	30.035.000	17.825.921	
3	Ngân hàng Kiên Long	12183001	1.246.700		18.875.000	15.675.325	4.446.375	
	Cộng		15.471.578		5.018.253.739	5.008.516.644	25.208.673	

-Thực hiện trình bày lại sổ Nhật Ký Chung.

Công ty TNHH Đức Tài thực hiện ghi chép sổ Nhật Ký Chung trên phần mềm Excel, tuy vậy hệ thống bảng biểu, các hàm đã được cài đặt từ lâu và chưa được cải thiện thay đổi gì đáng kể, cách viết bảng còn rườm rà tương đối dài dòng chưa được thuận lợi chi việc ghi chép và theo dõi các nghiệp vụ phát sinh. Công ty nên thay đổi mẫu sổ và cách trình bày Nhật Ký Chung. Có thể trình bày như mẫu sau.

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Tel: 0313.920.768

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2013

ĐVT: đồng

CTừ	NT	Diễn Giải	TK	Nợ	Có
PC 01	01.12.13.	Thanh toán phí vệ sinh tháng 11.	642	50,000	
	01.12.13.		111		50,000
8589596	01.12.13.	Thanh toán cước điện thoại tháng 11.	642	166.918	
PC 02	01.12.13.		133	16.692	
	01.12.13.		111		183,610
PX 01	01.12.13.	Xuất hàng hóa đơn 150	632	10,109,090	
	01.12.13.	K+ Acc 12T	156		3,900,000
	01.12.13.	K+ Pre 6T HD	156		6,209,090
PT01	01.12.13.	Bán hàng cho Công ty TNHH ĐT Quang Minh	111	11.120.000	
HĐ150	01.12.13.		511		10.109.090
	01.12.13.		3331		1.010.910
1100	02.12.13.	Thanh toán cước chuyển phát nhanh cho Công ty	642	325.496	
PC 03	02.12.13.	TNHH chuyển phát nhanh Hải Phòng.	133	32.550	
	02.12.13.		111		358,046
	
GBN	03.12.13.	Thanh toán nợ phải trả cho Công ty TNHH	331	505,150,000	
	03.12.13.	Truyền hình số vệ tinh Việt Nam.	642	55,567	
	03.12.13.		112T		505.205.567
				

PXK	04.12.13.	Xuất hàng hóa đơn 152	632	1,870,000	
	04.12.13.	Thẻ Pre 12T	156		1,870,000
PT02	04.12.13.	Bán hàng cho Tổng Công ty Công nghiệp tàu	111	2.280.000	
HĐ152	04.12.13.	thủy Nam Triệu.	511		2.072.727
	04.12.13.	3331		207.273
				
PXK	04.12.13.	Xuất hàng hóa đơn 153	632	16,699,990	
	04.12.13.	K+ Pre 3T	156		13,090,900
	04.12.13.	K+ Pre 6T	156		3,609,090
PT03	04.12.13.	Bán hàng cho Công ty TNHH TM du lịch và	111	18.370.000	
HĐ153	04.12.13.	sản xuất Đức Huy.	511		16.699.990
	04.12.13.	3331		1.670.010
				
450369	31.12.13	Mua máy in Brother tại Công ty CP Mediamart.	641	1.718.182	
PC 41	31.12.13		133	171.818	
	31.12.13		111		1.890.000
				
		CỘNG PHÁT SINH THÁNG 12		53.254.174.435	53.254.174.435

-Thực hiện lập Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp TK 131.

Công ty TNHH Đức Tài là nhà phân phối chính thức của Công ty Truyền hình số vệ tinh VSTV, công ty không có nhà cung cấp nào khác ngoài VSTV nên công ty chỉ theo dõi TK 331 bằng Sổ Nhật Ký Chung và Sổ cái TK 331 là hợp lý, tuy vậy công ty cung cấp hàng hóa dịch vụ cho rất nhiều Đại lý bán lẻ và Cửa hàng nên nếu chỉ theo dõi TK 131 bằng Nhật Ký Chung và Sổ cái TK 131 là chưa đủ chặt chẽ rất dễ gây thiếu sót và nhầm lẫn. Công ty nên thực hiện lập sổ chi tiết và tổng hợp cho TK 131, không chỉ vậy TK 131 nên lập cụ thể cho từng phân vùng. Sổ chi tiết và tổng hợp TK 131 khu vực Hải Phòng, Sổ chi tiết và tổng hợp TK 131 khu vực Hải Dương, Sổ chi tiết và tổng hợp TK 131 khu vực Quảng Ninh. Việc quản lý công nợ của từng khu vực, từng khách hàng sẽ thuận lợi và dễ dàng hơn rất nhiều, tránh nhầm lẫn và là căn cứ để so sánh với các sổ sách khác. Kế toán vốn bằng tiền nên mở sổ chi tiết cho các khách hàng theo mẫu sau.

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết thanh toán với Cửa hàng điện tử Nam Hà (Khu vực Quảng Ninh)

Đơn vị : Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số S13 - DNN

Địa chỉ : 42 Lương Khánh Thiện- HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu khách hàng (131)

Đối tượng : Cửa hàng điện tử Nam Hà

Loại tiền : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					5.467.000	
20.12	HĐ 0694	20.12	K+ Pre 3T HD	156 133		18.144.545 1.814.455		
25.12	GBC	25.12	Thanh toán HĐ 0694	112			19.959.000		
			- Cộng số phát sinh			54.625.500	47.985.000		
			- Số dư cuối kỳ					12.107.500	

Ngày..... tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 3.3: Sổ tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng khu vực Quảng Ninh**Công ty TNHH Đức Tài**

42 Lương Khánh Thiện- Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG
KHU VỰC QUẢNG NINH
Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

S T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	CHĐT Nam Hà	5.467.000		54.625.500	47.985.000	12.107.500	
2	CHĐT Duy Hưng	15.458.000		67.182.000	50.129.500	32.510.500	
3	CHĐT Hào Thúy		1.250.000	23.250.000	22.000.000	-	
	
	Cộng	102.456.890	12.675.000	879.254.500	801.789.000		

-Thực hiện lập các sổ nhật ký đặc biệt

- Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền (mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền gửi qua ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng loại ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ. Sau đây là mẫu sổ nhật ký đặc biệt nên dùng:

- Sổ nhật ký thu tiền (Mẫu số S03a1 - DN) (biểu số 3.4)

- Sổ nhật ký chi tiền (Mẫu số S03a2 - DN) (biểu số 3.5)

Biểu số 3.4: Sổ nhật ký thu tiền

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Tháng 12 năm 2013

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các TK				Tài khoản khác				
	Số hiệu	Ngày, tháng			642	...	3331	511	Số tiền	Số hiệu			
											A	B	C
			Số trang trước chuyển sang										
									
01.12	PT01	01.12	Thu tiền CHĐT Quang Minh	11.120.000			1.010.910	10.109.090					
04.12	PT02	04.12	CTY Nam Triệu trả tiền HĐ 152	2.280.000			207.273	2.072.727					
												
			Cộng chuyển sang trang sau	6.096.341.000									

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngàythángnăm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.5: Sổ nhật ký chi tiền

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03a2 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Tháng 12 năm 2013

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi nợ các TK				Tài khoản khác		
	Số hiệu	Ngày, tháng			642	133	641	Số tiền	Số hiệu	
											A
			Số trang trước chuyển sang								
01.12	PC01	01.12	Phí vệ sinh	50.000	50.000						
01.12	PC02	01.12	Cước điện thoại	183.610	166.918	16.692					
02.12	PC03	02.12	Phí chuyển phát nhanh	358.046	325.496	32.550					
31.12	PC41	31.12	Thanh toán tiền máy in	1.890.000		171.818		1.718.182			
			Cộng chuyển sang trang sau	5.402.152.383							

Ngàythángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.3.2: Ý kiến thứ 2: Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.

Việc sử dụng phần mềm kế toán có nhiều ưu điểm như:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.
- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Hiện tại Công ty TNHH Đức Tài đã có sự hỗ trợ của phần mềm Excel song đối với công tác kế toán vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất vậy công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Omega, Gama, Emass....

-Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

MISA SME.NET 2012 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cập nhật Thông tư 156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB, Thuế tài nguyên...

- Phần mềm Kế toán quản trị OMEGA.MC

Là một phân hệ độc đáo trong tổng thể hệ thống Quản trị doanh nghiệp, bởi tính chất đa dạng của biểu mẫu kế toán quản trị. Các báo cáo được thiết kế sẵn là:

- Phân tích lãi lỗ theo ngành hàng, phòng ban, nhóm hàng, thời gian
- Phân tích công nợ theo tuổi nợ, báo cáo dự thu, dự chi, báo cáo nợ quá hạn.
- Phân tích chi phí theo thời gian, theo yếu tố chi phí
- Phân tích các khoản đi vay, cho vay,..
- Báo cáo so sánh số thực tế và ngân sách - kế hoạch

-Phần mềm Kế toán Gama

Các tính năng của phần mềm Kế toán chuyên nghiệp GAMA.SMB® bao gồm: tổ chức lưu trữ dữ liệu, cách thức xử lý số liệu và các chức năng khác được thiết kế hoàn chỉnh nhằm đáp ứng các nghiệp vụ ghi nhận hạch toán kế toán của một doanh nghiệp như: Kế toán vốn bằng tiền, Quản lý công nợ, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định, Kế toán tổng hợp...

3.3.3: Ý kiến thứ 3: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ
Bảng kiểm kê quỹ dùng cho tiền VNĐ là văn bản do doanh nghiệp lập để đối chiếu chênh lệch về số lượng sổ sách và số lượng thực tế của quỹ tiền mặt là Việt Nam đồng của doanh nghiệp đó...

Để có thể xác định được bằng tiền Việt Nam đồng tồn quỹ thực tế và số thừa so với sổ quỹ, trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch, doanh nghiệp cần tiến hành kiểm kê quỹ cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp. Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên. Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê

Bảng số 3.6: Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ).

Đơn vị:

Mẫu số: 08a-TT

Bộ phận:

(Ban hành theo Quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho VNĐ)

Số:

Hôm nay, vào giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:

.....

. Đại diện kế toán

Ông/Bà:

.....

. Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:

.....

. Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế	x
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	x

- Lý do:

+ Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

.....

Kế toán trưởng **Thủ quỹ** **Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Đức Tài, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty TNHH Đức Tài đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn.

Khóa luận về " Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Đức Tài đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.
- Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Đức Tài với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2013. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài .

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn cô **Th.S.Lê Thị Nam Phương** và các cô chú trong công ty đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài báo cáo tốt nghiệp này.

Sinh viên

Trịnh Thiện Trang